



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 33 + 34

Ngày 20 tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

11/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 21/2026/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn do UBND cấp xã lập và UBND tỉnh phê duyệt.	3
------------	--	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

14/05/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1045/QĐ-UBND về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh Sơn La, nhiệm kỳ 2026 - 2031	5
07/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 1096/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Sơn La.	18
08/05/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1100/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026.	33

11/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 1113/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030.	40
11/05/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1114/QĐ-UBND về việc sửa đổi Điều 3 Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.	55
11/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 1117/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030.	56
13/05/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1134/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Sơn La	73

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn do UBND cấp xã lập và UBND tỉnh phê duyệt

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn do UBND cấp xã lập và UBND tỉnh phê duyệt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Sửa đổi tên gọi của Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND như sau:

“Quyết định quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Quyết định này quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi tại khoản 31 Điều 1 Luật số 144/2025/QH15.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn UBND cấp xã khi tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh (*sau đây gọi là Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn*) được phân cấp phải đảm bảo tuân thủ các quy định về loại điều chỉnh, căn cứ, nguyên tắc, điều kiện điều chỉnh cục bộ, nội dung điều chỉnh cục bộ tại pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn. Đối với trường hợp liên quan từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, UBND cấp xã (*đơn vị hành chính có quy mô diện tích điều chỉnh cục bộ lớn nhất*) chủ trì, thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn theo trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định này hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. UBND cấp xã lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15 để tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch.”

Điều 5. Bãi bỏ khoản 3 Điều 2 Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1045/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch
và các Ủy viên UBND tỉnh Sơn La, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nguyên tắc phân công, quan hệ công tác giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; lãnh đạo toàn diện và điều hành công tác của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, các thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường; trực tiếp chỉ đạo, điều hành các công việc lớn, quan trọng, khẩn cấp, những vấn đề mang tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh.

- Chủ tịch UBND tỉnh (*Chủ tịch*) phân công các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (*Phó Chủ tịch*) giúp Chủ tịch theo dõi, chỉ đạo, xử lý các công việc thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch trong từng lĩnh vực công tác của UBND tỉnh. Việc phân công nhiệm vụ bảo đảm nguyên tắc rõ ràng, không chồng chéo; phù hợp với năng lực, kinh nghiệm và điều kiện thực tiễn; bảo đảm tính liên thông, phối hợp hiệu quả giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công.

- Chủ tịch không xử lý những nhiệm vụ, lĩnh vực, công việc đã phân công, ủy quyền cho Phó Chủ tịch, các Ủy viên UBND tỉnh; trừ các trường hợp xét thấy thật sự cần thiết do tính chất cấp bách, phức tạp của công việc, Chủ tịch trực tiếp chỉ đạo giải quyết những công việc đã phân công, ủy quyền và Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm thông báo cho người được phân công, ủy quyền hoặc người có thẩm quyền phụ trách công việc biết về việc này.

- Khi Chủ tịch đi vắng, sẽ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực hoặc một Phó Chủ tịch khác thay mặt Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công việc của UBND tỉnh;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND tỉnh chịu trách nhiệm thay mặt UBND tỉnh trực tiếp báo cáo nội dung công việc theo nhiệm vụ được phân công cho Đảng ủy UBND tỉnh theo Quy chế làm việc của Đảng ủy UBND tỉnh để chỉ đạo hoặc trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo.

2. Chủ tịch chịu trách nhiệm tổ chức điều hành ngân sách chung của tỉnh; quản lý, chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 5 năm và hàng năm; quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật; quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (*nguồn vốn tư nhân*), không phân biệt thành phần kinh tế, bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

3. Phó Chủ tịch được Chủ tịch phân công trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác, địa bàn cụ thể và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, trước pháp luật về lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công; chủ động xử lý công việc theo thẩm quyền, trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc phát sinh vấn đề quan trọng, nhạy cảm thì kịp thời báo cáo Chủ tịch xem xét, quyết định; được ký thay Chủ tịch các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch hoặc văn bản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định và chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện, mọi mặt về công tác của mình trước Chủ tịch, trước pháp luật về nhiệm vụ, lĩnh vực, cơ quan được phân công theo dõi, chỉ đạo, bảo đảm tiến độ và chất lượng công việc, cụ thể:

a) Theo dõi và lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động: một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường; giữ mối liên hệ phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động của UBND tỉnh.

b) Quyết định và xử lý các vấn đề liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; chỉ đạo thực hiện các kết luận thanh tra, kiến nghị của kiểm toán Nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kiểm soát thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

c) Theo lĩnh vực được phân công, chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện các bước tiếp theo sau khi được quyết định chủ trương đầu tư của dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn nhà nước và dự án ngoài ngân sách (*từ bước phê duyệt dự án đầu tư đến khi hoàn thành, quyết toán dự án, kể cả các dự án do các Ban Quản lý dự án chuyên ngành làm chủ đầu tư*).

d) Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đối với các nhiệm vụ (*kể cả việc mua sắm, sửa chữa, điều chỉnh kinh phí*) trong phạm vi kinh phí đã được bố trí cho cơ quan, đơn vị được phân công theo dõi.

đ) Các nội dung khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch ủy quyền hoặc phân công trực tiếp chỉ đạo, điều hành và quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Phó Chủ tịch được phân công phụ trách chương trình, dự án đầu tư nào thì chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai xuyên suốt và toàn diện chương trình, dự án đó;

bao gồm đầy đủ các khâu từ chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện đến nghiệm thu, bàn giao và quyết toán dự án, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

Các Phó Chủ tịch khác có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyên môn, thủ tục, pháp lý có liên quan đến lĩnh vực phụ trách; không can thiệp vào công tác điều hành, tiến độ hoặc nội dung cụ thể của chương trình, dự án do Phó Chủ tịch phụ trách chính đảm nhiệm.

5. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ được phân công liên quan đến nhiều lĩnh vực mà trong đó có lĩnh vực do Chủ tịch phụ trách hoặc những nhiệm vụ mới phát sinh ngoài kế hoạch, những nội dung chưa được quy định tại Quy chế làm việc hoặc chưa được phân công tại Quyết định này thì phải kịp thời báo cáo Chủ tịch xem xét, quyết định.

Trường hợp công việc liên quan đến những lĩnh vực công tác khác do các Phó Chủ tịch khác nhau phụ trách thì một Phó Chủ tịch sẽ chịu trách nhiệm chính và chủ trì, phối hợp với các Phó Chủ tịch chỉ đạo, giải quyết. Nếu còn ý kiến khác nhau giữa các Phó Chủ tịch thì Phó Chủ tịch chủ trì báo cáo Chủ tịch xem xét, quyết định.

6. Trong trường hợp cần thiết hoặc khi Phó Chủ tịch vắng mặt, Chủ tịch trực tiếp giải quyết công việc hoặc phân công Phó Chủ tịch khác giải quyết; sau khi giải quyết công việc, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được phân công giải quyết công việc trao đổi lại tình hình và kết quả giải quyết cho Phó Chủ tịch đi vắng biết.

7. Các Phó Chủ tịch có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch các công việc đã giải quyết theo nhiệm vụ được phân công tại cuộc họp giao ban hàng tuần hoặc đột xuất khi cần thiết.

8. Các thành viên khác không phải là lãnh đạo UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên UBND tỉnh theo các quy định của pháp luật; được Chủ tịch UBND tỉnh giao phụ trách lĩnh vực công tác cụ thể và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về lĩnh vực được giao phụ trách.

9. Căn cứ tình hình thực tế trong tổ chức thực hiện, Chủ tịch xem xét điều chỉnh, bổ sung việc phân công công tác của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch tại Quyết định này hoặc công việc đột xuất, cấp bách khác mà Chủ tịch thấy cần thiết để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của UBND tỉnh, Chủ tịch kịp thời, thông suốt, hiệu quả.

Điều 2. Phân công nhiệm vụ cụ thể của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

1. Đồng chí Nguyễn Đình Việt - Chủ tịch UBND tỉnh

a) Lãnh đạo, quản lý toàn diện hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh.

b) Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác sau

- Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính ngân sách nhà nước hàng năm, 5 năm của tỉnh; kế hoạch đầu tư phát triển, bao gồm các dự án đầu tư, cơ cấu đầu tư và các danh mục đầu tư hàng năm;

- Chỉ đạo chung, định hướng công tác quy hoạch; cho ý kiến đối với các quy hoạch quan trọng trước khi Phó Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, gồm: quy hoạch xây dựng, khoáng sản, năng lượng, lâm nghiệp, du lịch.

- Lĩnh vực phát triển kinh tế tư nhân; sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước; công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

- Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật;

- Tổ chức bộ máy; công tác cán bộ; quốc phòng, an ninh; thi đua, khen thưởng; phát triển nguồn nhân lực.

- Công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tiếp dân;

- Thành lập, phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

- Cho ý kiến về các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh;

- Phụ trách chung, trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

c) Giữ mối quan hệ phối hợp giữa UBND tỉnh với Chính phủ; Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ; các Bộ, ngành Trung ương; Quân khu 2; Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

d) Trực tiếp làm Chủ tịch các Hội đồng, Trưởng các Ban Chỉ đạo theo quy định của Trung ương, của pháp luật và phân công của Tỉnh ủy.

đ) Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính.

e) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

2. Đồng chí Hà Trung Chiến - Phó Chủ tịch UBND tỉnh

a) Làm nhiệm vụ Phó Chủ tịch thường trực, thay mặt Chủ tịch điều hành, giải quyết các công việc khi Chủ tịch đi vắng hoặc khi được Chủ tịch ủy quyền. Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác sau:

- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề;

- Y tế, dân số, gia đình và trẻ em; bảo trợ và phòng, chống tệ nạn xã hội, HIV/AIDS, buôn bán trẻ em;

- Văn hoá; thể dục, thể thao; du lịch; báo chí, xuất bản, in, phát hành; phát thanh và truyền hình; thông tin điện tử; thông tấn; thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại; quảng cáo;

- Khoa học, công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; công nghiệp công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin truyền thông;

- Các nội dung, dự án thành phần, tiểu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trong phạm vi lĩnh vực được phân công phụ trách.

b) Làm nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng và trưởng các Ban Chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách hoặc theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Trực tiếp theo dõi và chỉ đạo, điều hành các sở, ngành, cơ quan, đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Văn phòng UBND tỉnh; Bưu điện tỉnh; Viễn thông Sơn La; các tổ chức hội thuộc lĩnh vực phụ trách; các bệnh viện, trường học, đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc khối văn hoá - xã hội.

d) Thực hiện công tác quản lý nhà nước và giữ mối quan hệ phối hợp công tác của UBND tỉnh với: các Bộ, ngành Trung ương thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách; Báo và Đài Phát thanh, truyền hình Sơn La.

đ) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

e) Thực hiện những nhiệm vụ, công việc khác do Chủ tịch UBND tỉnh phân công hoặc ủy quyền.

3. Đồng chí Đặng Ngọc Hậu - Phó Chủ tịch UBND tỉnh

a) Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác sau:

- Dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng;

- Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh;

- Các nội dung, dự án thành phần, tiểu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trong phạm vi lĩnh vực được phân công phụ trách;

- Lĩnh vực tư pháp, cải cách tư pháp; phổ biến, giáo dục pháp luật và thi hành án dân sự;

- Đối ngoại; biên giới, cửa khẩu (*thuộc Ban Chỉ huy bộ đội biên phòng, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh*);

- Lĩnh vực ngân hàng, tín dụng;

- Lĩnh vực quản lý nhà nước về kiểm soát thủ tục hành chính; cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (*thuộc Văn phòng UBND tỉnh*).

b) Làm nhiệm vụ Chủ tịch các Hội đồng cấp tỉnh, trưởng các ban chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách hoặc theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Trực tiếp theo dõi và chỉ đạo, điều hành các sở, ngành, cơ quan, đơn vị: Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tư pháp; Sở Ngoại vụ; Ngân hàng nhà nước khu vực III; Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; Ngân hàng phát triển tỉnh và các ngân hàng Thương mại; Thi hành án Dân sự tỉnh; các tổ chức hội thuộc lĩnh vực phụ trách và các đơn vị khác thuộc khối.

d) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, giữ mối liên hệ phối hợp của UBND tỉnh với: các Bộ, ngành Trung ương thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể (*Hội Cựu Chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh*), Trường Chính trị tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và theo dõi các hội, các ban liên lạc khác thuộc lĩnh vực phụ trách.

đ) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

e) Thực hiện những nhiệm vụ, công việc khác do Chủ tịch UBND tỉnh phân công.

4. Đồng chí Nguyễn Thành Công - Phó Chủ tịch UBND tỉnh

a) Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác sau:

- Công nghiệp, thương mại, điện lực, quản lý thị trường, phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại;

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; phòng cháy, chữa cháy; phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới;

- Lĩnh vực Đất đai (*bao gồm cả quy hoạch sử dụng đất*); Đo đạc bản đồ, viễn thám; Tài nguyên nước; môi trường; khoáng sản, địa chất; khí tượng thủy văn; chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu (*không bao gồm công tác giải phóng mặt bằng đối với các chương trình, dự án đã được phân công cho các Phó Chủ tịch khác phụ trách theo nguyên tắc tại Điều 1 Quyết định này*).

- Công tác xúc tiến đầu tư, thương mại và xuất, nhập khẩu;

- Các nội dung, dự án thành phần, tiêu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trong phạm vi lĩnh vực được phân công phụ trách;

- Lĩnh vực Dân vận, dân chủ; bình đẳng giới; Cải cách hành chính; Văn thư, lưu trữ nhà nước; địa giới hành chính; công tác thanh niên; quản lý nhà nước về tổ chức hội, tổ chức Phi Chính phủ (*thuộc Sở Nội vụ*);

- Các vấn đề kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ gia đình.

b) Làm nhiệm vụ Chủ tịch các Hội đồng, trưởng các Ban Chỉ đạo của tỉnh theo lĩnh vực phụ trách hoặc theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Trực tiếp theo dõi và chỉ đạo, điều hành các sở, ngành, cơ quan, đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh; Ban Quản lý các KCN tỉnh; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Quỹ bảo vệ môi trường; Công ty Điện lực Sơn La; Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La; Công ty TNHH Một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi; các tổ chức hội thuộc lĩnh vực phụ trách và các đơn vị khác thuộc khối;

d) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, giữ mối liên hệ công tác của UBND tỉnh với: các Bộ, ngành Trung ương thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách; Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Hội Nông dân tỉnh và các hội, ban liên lạc khác liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

đ) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

e) Thực hiện những nhiệm vụ, công việc khác do Chủ tịch UBND tỉnh phân công.

5. Đồng chí Nguyễn Minh Tiến - Phó Chủ tịch UBND tỉnh

a) Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác sau:

- Xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn; nhà ở, công sở; thị trường bất động sản, vật liệu xây dựng; giao thông vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, an toàn giao thông;

- Quản lý nhà nước về công tác đấu thầu chung trên địa bàn tỉnh; phụ trách công tác đấu thầu thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, các dự án được phân công;

- Tài chính, giá cả, tiền tệ; quản lý, sắp xếp nhà đất, tài sản công; quản lý vốn, tài sản của nhà nước tại các doanh nghiệp (thuộc Sở Tài chính); kho bạc nhà nước, thuế, hải quan, thống kê, dự trữ, kiểm toán;

- Lĩnh vực Lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động; chính sách cho người có công (*thuộc Sở Nội vụ*);

- Các nội dung, dự án thành phần, tiểu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trong phạm vi lĩnh vực được phân công phụ trách;

- Các chương trình, dự án liên quan đến cấp thoát nước, xử lý rác thải, thu gom xử lý nước thải.

b) Giúp Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc, triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, các công trình khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ; xem xét, giải quyết các thủ tục trong quy hoạch xây dựng, xây dựng cơ bản.

c) Làm Chủ tịch Hội đồng và trưởng các Ban Chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách hoặc theo sự phân của Chủ tịch UBND tỉnh.

d) Trực tiếp theo dõi và chỉ đạo, điều hành các sở, ngành, cơ quan, đơn vị: Sở Xây dựng; các Ban Quản lý dự án thuộc tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thuế tỉnh;

Thống kê tỉnh; Chi cục dự trữ nhà nước khu vực V; Chi cục Hải quan khu vực X địa bàn Sơn La; Kho bạc Nhà nước Khu vực X, đầu mối tại Sơn La; Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị; Công ty Cấp nước; Công ty TNHH nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Sơn La; các tổ chức hội thuộc lĩnh vực phụ trách và các đơn vị khác thuộc khối;

đ) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, giữ mối liên hệ công tác của UBND tỉnh với: các Bộ, ngành Trung ương thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách; Kiểm toán Nhà nước Khu vực I và theo dõi các hội, các ban liên lạc khác thuộc lĩnh vực phụ trách.

e) Thực hiện những nhiệm vụ, công việc khác do Chủ tịch UBND tỉnh phân công.

Điều 3. Phân công nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên UBND tỉnh

1. Giám đốc Công an tỉnh

a) Tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh về lĩnh vực an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh; chỉ huy lực lượng công an toàn tỉnh.

b) Kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh các vụ việc vi phạm pháp luật, nổi cộm, phức tạp trên địa bàn tỉnh; các vụ việc khởi tố, điều tra, truy tố liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo diện Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý.

c) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

2. Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh về lĩnh vực quốc phòng và quân sự địa phương, trực tiếp chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Bộ Quốc phòng phân cấp, ủy quyền và theo phân công của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Nắm chắc tình hình địa bàn, phối hợp chặt chẽ với các ban, sở, ngành, lực lượng khác của tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, an toàn.

c) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

3. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Nội vụ; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Nội vụ phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Báo cáo, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh về công tác tổ chức bộ máy, cán bộ thuộc thẩm quyền của Đảng ủy UBND tỉnh theo phân cấp quản lý bộ máy tổ chức và cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy triển khai quy trình về công tác cán bộ theo quy định của Tỉnh ủy.

c) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Văn phòng UBND tỉnh; tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức, điều phối chương trình, kế hoạch công tác và thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn phòng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và UBND tỉnh phân công

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

5. Chánh Thanh tra tỉnh

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Thanh tra tỉnh; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành thanh tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Thanh tra Chính phủ phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

6. Giám đốc Sở Tài chính

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Tài chính; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Tài chính phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

7. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành nông nghiệp và môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

8. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành giáo dục và đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

9. Giám đốc Sở Công Thương

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Công thương; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành công thương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Công thương phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

10. Giám đốc Sở Y tế

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Y tế; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành y tế theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Y tế phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

11. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

12. Giám đốc Sở Xây dựng

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Xây dựng; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước

đối với ngành xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Xây dựng phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

13. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

14. Giám đốc Sở Tư pháp

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Tư pháp; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành tư pháp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Tư pháp phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

15. Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Dân tộc và Tôn giáo; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

16. Giám đốc Sở Ngoại vụ

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý, điều hành hoạt động của Sở Ngoại vụ; tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đối ngoại theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, Chính phủ, Bộ Ngoại giao phân cấp, ủy quyền và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trực tiếp theo dõi địa bàn các xã, phường theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

17. Thủ trưởng, Giám đốc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ngoài việc thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ nêu trên, còn có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh với tư cách là ủy viên UBND tỉnh theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban UBND tỉnh. Đồng thời giữ mối quan hệ công tác với các bộ, ban, ngành Trung ương theo lĩnh vực ngành dọc. Chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả công việc với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về ngành, lĩnh vực được phân công về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Các nội dung trình, tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh phải đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý, thể hiện rõ quan điểm tham mưu theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Tham gia đầy đủ và thực hiện nghiêm túc chế độ hội họp, báo cáo theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh Sơn La, nhiệm kỳ 2026 - 2031 và theo yêu cầu của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Trường hợp người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chưa là Ủy viên UBND tỉnh hoặc cấp phó được giao phụ trách, điều hành cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*đang khuyết người đứng đầu*) vẫn phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được giao; báo cáo công tác trước UBND tỉnh khi được yêu cầu và báo cáo công tác trước cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về ngành, lĩnh vực phụ trách; tham dự đầy đủ các phiên họp UBND tỉnh, tham gia thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết, cho ý kiến bằng văn bản với tư cách Ủy viên UBND tỉnh về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh.

Điều 5. Thành viên UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2661/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

DANH SÁCH
PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN UBND TỈNH THEO DÕI ĐỊA BÀN CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Thành viên UBND tỉnh	Theo dõi địa bàn các xã, phường
1	Chủ tịch UBND tỉnh - Nguyễn Đình Việt	Các xã, phường: Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên, Lóng Sập, Chiềng Sơn
2	Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Hà Trung Chiến	Các xã: Phù Yên, Suối Tọ, Mường Cơi, Mường Bang, Tân Phong, Kim Bon
3	Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Nguyễn Thành Công	Các xã: Chiềng Lao, Ngọc Chiến, Mường La, Mường Bú, Chiềng Hoa
4	Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Đặng Ngọc Hậu	Các xã: Quỳnh Nhai, Mường Sại, Mường Giôn, Mường Chiên
5	Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Nguyễn Minh Tiến	Các xã: Yên Châu, Chiềng Hặc, Lóng Phiêng
6	Giám đốc Công an tỉnh	Các xã: Vân Hồ, Song Khủa, Tô Múa, Xuân Nha, Đoàn Kết, Tân Yên
7	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự tỉnh	Các xã: Sốp Cộp, Púng Bính, Mường Lạn, Mường Lèo, Huổi Một
8	Giám đốc Sở Xây dựng	Các xã: Bình Thuận, Mường É, Mường Khiêng, Chiềng La, Muối Nội
9	Giám đốc Sở Nội Vụ	Các xã: Tà Hộc, Chiềng Mai, Mường Chanh
10	Giám đốc Sở Tài chính	Các xã: Yên Sơn, Phiêng Khoài
11	Giám đốc Sở Y tế	Các xã: Tạ Khoa, Bắc Yên, Chiềng Sại
12	Giám đốc Sở Tư pháp	Các xã: Long Hẹ, Co Mạ, Mường Bám
13	Chánh Thanh tra tỉnh	Các xã: Chiềng Sơ, Mường Lầm
14	Giám đốc Sở Công Thương	Các xã: Pắc Ngà, Xím Vàng, Tà Xùa
15	Giám đốc Sở Nông nghiệp và MT	Các xã: Phiêng Păn, Phiêng Cầm, Chiềng Sung
16	Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các xã: Bó Sinh, Nậm Ty, Sông Mã
17	Giám đốc Sở Văn hóa, TT & DL	Các xã: Thuận Châu, Nậm Lầu
18	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các phường: Tô Hiệu, Chiềng Cơi, Chiềng An, Chiềng Sinh
19	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các xã: Chiềng Khương, Chiềng Khoong, Mường Hung
20	Giám đốc Sở Ngoại vụ	Các xã: Gia Phù, Tường Hạ
21	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Các xã: Chiềng Mung, Mai Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1096/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia
về an toàn trong sử dụng điện giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện giai đoạn 2026 - 2035;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 132/TTr-SCT ngày 24 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Giao Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công Thương; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Công ty Điện lực Sơn La và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH SƠN LA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn
trong sử dụng điện giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Sơn La một cách đồng bộ, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường; bảo đảm các nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả thiết thực.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn điện; hình thành thói quen sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về an toàn điện; hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa tai nạn điện và cháy, nổ do điện gây ra; nâng cao kỹ năng xử lý tình huống khi xảy ra sự cố điện.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn điện; kịp thời phát hiện và khắc phục các nguy cơ mất an toàn điện trong khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các công trình công cộng.

- Giảm thiểu tai nạn điện, sự cố điện và cháy, nổ do điện gây ra trên địa bàn tỉnh, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, góp phần bảo đảm an toàn hệ thống điện và an toàn cộng đồng.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn trong sử dụng điện; tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị điện lực trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn điện.

- Từng bước ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và giám sát an toàn điện; nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện sớm các nguy cơ mất an toàn điện.

2. Yêu cầu

- Triển khai đồng bộ, thường xuyên, liên tục, bảo đảm các nhiệm vụ được thực hiện thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường; duy trì hoạt động tuyên truyền, đào tạo,

kiểm tra và giám sát an toàn điện theo kế hoạch hằng năm, tránh tình trạng triển khai mang tính thời vụ hoặc hình thức.

- Phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện; bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với đơn vị điện lực trong quá trình triển khai thực hiện.

- Gắn việc triển khai thực hiện kế hoạch với nhiệm vụ quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý điện lực, phòng cháy, chữa cháy, xây dựng, giáo dục, nông nghiệp và phát triển nông thôn; lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn điện với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bảo đảm sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm; tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp khác; tránh lãng phí, trùng lặp trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đặc biệt là điều kiện địa hình miền núi, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; ưu tiên triển khai các giải pháp tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra tai nạn điện và cháy, nổ do điện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung- Nâng cao mức độ an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh thông qua việc tăng cường quản lý nhà nước về an toàn điện; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong việc sử dụng điện an toàn; từng bước khắc phục các tồn tại, hạn chế trong hệ thống điện tại khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các công trình công cộng.

- Giảm thiểu tai nạn điện và cháy, nổ do điện gây ra; hạn chế thấp nhất các sự cố điện gây thiệt hại về người và tài sản; bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và doanh nghiệp; góp phần bảo đảm an toàn hệ thống điện, giữ vững an ninh, trật tự xã hội và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Từng bước xây dựng môi trường sử dụng điện an toàn, văn minh; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và phòng ngừa rủi ro về điện; hướng tới mục tiêu đến năm 2035 cơ bản kiểm soát được các nguy cơ mất an toàn trong sử dụng điện tại khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các khu vực có nguy cơ cao trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

a) Đào tạo, tập huấn về an toàn điện

- Phấn đấu hằng năm 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực điện lực, an toàn điện tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được phổ biến, tập

huấn hoặc bồi dưỡng kiến thức về an toàn trong sử dụng điện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức tập huấn định kỳ hằng năm cho cán bộ quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp xã, phường có liên quan đến quản lý hoạt động điện lực và sử dụng điện.

- 100% cán bộ kỹ thuật, công nhân của các đơn vị điện lực hoạt động trên địa bàn được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về an toàn điện, kỹ năng phòng ngừa tai nạn điện và xử lý sự cố điện.

- Đến năm 2035, tối thiểu: 100% cán bộ quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực điện lực được tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn/năm. 100% cán bộ, nhân viên đơn vị Điện lực được đào tạo định kỳ về an toàn điện theo quy định của ngành điện.

b) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức sử dụng điện an toàn

- Tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng dân cư, thôn, bản, tổ dân phố, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hướng dẫn sử dụng điện an toàn phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu vực.

- Tăng cường công tác tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, báo, đài, mạng xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đến năm 2035: Phấn đấu 100% hộ gia đình sử dụng điện trên địa bàn tỉnh được tiếp cận thông tin, tài liệu hoặc hình thức tuyên truyền phù hợp về sử dụng điện an toàn; bảo đảm các hộ sử dụng điện mới được hướng dẫn, khuyến cáo về sử dụng điện an toàn khi thực hiện cấp điện theo quy định.

c) Giảm thiểu tai nạn điện trong dân và sản xuất

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn khắc phục các nguy cơ mất an toàn điện tại hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh tuyên truyền các biện pháp phòng tránh tai nạn điện, đặc biệt đối với học sinh và người lao động tại các vùng sâu, vùng xa.

- Đến năm 2035: Giảm tối thiểu 15% số vụ tai nạn điện so với bình quân giai đoạn 2021 - 2025. Hạn chế tối đa các vụ tai nạn điện nghiêm trọng gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

d) Kiểm tra, hướng dẫn an toàn điện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất theo thẩm quyền đối với các khu vực, cơ sở sử dụng điện có nguy cơ cao mất an toàn điện, cháy, nổ do điện, trong đó ưu tiên khu dân cư đông người, chợ, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các địa điểm tập trung đông người.

- Phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng phòng cháy chữa cháy và đơn vị điện lực rà soát, lập danh sách, quản lý các cơ sở có nguy cơ mất an toàn điện cao để tăng cường kiểm tra.

- Đến năm 2035: 100% cơ sở sản xuất kinh doanh, chợ, trường học... sử dụng điện được tuyên truyền, hướng dẫn biện pháp bảo đảm an toàn điện theo quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

a) Tuyên truyền quy định pháp luật về an toàn điện

- Tổ chức tuyên truyền các quy định của pháp luật về an toàn điện, bảo vệ công trình điện lực và phòng, chống cháy nổ do điện gây ra đặc biệt vào các thời điểm trước mùa mưa bão, nắng nóng, nhu cầu sử dụng điện tăng cao, các dịp lễ, tết và mùa sản xuất cao điểm theo các quy định hiện hành và theo Quyết định số 609/QĐ-TTg.

- Tuyên truyền thông qua các hình thức: Hội nghị phổ biến pháp luật tại cấp tỉnh, xã, phường. Lòng ghép nội dung tuyên truyền trong các cuộc họp thôn, bản, tổ dân phố. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, trên Báo Sơn La, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các nền tảng số, mạng xã hội (*Zalo, Facebook, ứng dụng ngành điện...*) để nâng cao hiệu quả.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào: Quy định về sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt và sản xuất, các hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng điện. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn điện, biện pháp phòng tránh tai nạn điện và cháy, nổ do điện gây ra.

b) Phổ biến hướng dẫn sử dụng điện an toàn cho hộ gia đình

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp cho hộ gia đình về sử dụng điện an toàn, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Phổ biến các nội dung hướng dẫn cụ thể như: Cách sử dụng thiết bị điện an toàn trong gia đình. Biện pháp phòng tránh tai nạn điện cho trẻ em, hướng dẫn kiểm tra hệ thống điện trong gia đình, hướng dẫn xử lý khi xảy ra sự cố điện.

- Lòng ghép nội dung tuyên truyền trong: Các buổi sinh hoạt cộng đồng.

Các chương trình xây dựng nông thôn mới. Các hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội.- Bảo đảm 100% hộ gia đình mới được cấp điện được hướng dẫn sử dụng điện an toàn, tăng dần tỷ lệ hộ gia đình được tuyên truyền hằng năm.

- Hình thức tuyên truyền thông qua tờ rơi, sổ tay hướng dẫn sử dụng điện an toàn, áp phích, pano tuyên truyền, video hướng dẫn trực quan, tài liệu tuyên truyền bằng tiếng dân tộc (khi cần thiết).

2. Công tác đào tạo, tập huấn

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về an toàn điện cho cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ kỹ thuật của các đơn vị điện lực hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung đào tạo tập trung vào: Các quy định của pháp luật về an toàn điện và bảo vệ công trình điện lực; Quy trình vận hành, bảo trì hệ thống điện bảo đảm an toàn, các biện pháp phòng ngừa tai nạn điện trong quá trình sản xuất, vận hành và sửa chữa điện, kỹ năng nhận diện nguy cơ mất an toàn điện và xử lý sự cố điện, biện pháp bảo đảm an toàn điện trong điều kiện thiên tai, mưa bão.

- Hình thức tổ chức: Tổ chức các lớp đào tạo tập trung tại cấp tỉnh hoặc cấp xã, lồng ghép nội dung đào tạo trong các chương trình huấn luyện định kỳ của ngành điện, tổ chức đào tạo trực tuyến kết hợp trực tiếp khi phù hợp, bảo đảm 100% cán bộ, công nhân ngành điện được tham gia đào tạo, tập huấn về an toàn điện theo quy định.

3. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng điện an toàn

- Kiểm tra định kỳ và đột xuất hệ thống điện tại các khu vực có đông người sinh sống và hoạt động, bao gồm: Khu dân cư, khu tái định cư, khu đô thị, chợ, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh; trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng điện.

- Kiểm tra hệ thống điện tại các cơ sở có nguy cơ cao xảy ra cháy, nổ do điện, bao gồm: Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều thiết bị điện công suất lớn có nguy cơ cháy nổ cao, kho chứa hàng hóa dễ cháy, nổ, cơ sở sản xuất vật liệu dễ cháy.

- UBND các xã, phường có trách nhiệm hằng năm rà soát, thống kê, lập danh sách các khu vực, cơ sở có nguy cơ mất an toàn điện cao trên địa bàn; gửi Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 6 hằng năm để tổng hợp, theo dõi và phối hợp tổ chức kiểm tra, hướng dẫn khắc phục.

- Nội dung kiểm tra tập trung vào tình trạng hệ thống dây dẫn điện, thiết bị đóng cắt, bảo vệ điện; việc lắp đặt, sử dụng thiết bị điện đúng quy chuẩn kỹ thuật; Tình trạng quá tải điện, đấu nối điện không đúng quy định, việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện định kỳ. Việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn điện, thực hiện các quy định về phòng cháy chữa cháy liên quan đến hệ thống điện theo quy định, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về an toàn điện theo quy định của pháp luật.

4. Nâng cao an toàn hệ thống điện

- Phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị điện lực và chính quyền địa phương thường xuyên rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống điện tại các khu dân cư, đặc biệt tại: Khu dân cư nông thôn, khu tái định cư, khu dân cư đông người, các khu vực có hệ thống điện đã sử dụng lâu năm có nguy cơ mất an toàn điện cao.

- Rà soát, phát hiện và thay thế các thiết bị điện không bảo đảm an toàn, thiết bị điện đã xuống cấp hoặc không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ

- Tăng cường ứng dụng các thiết bị và công nghệ hiện đại trong giám sát, phát hiện sớm nguy cơ mất an toàn điện tại hệ thống điện dân dụng và sản xuất.

- Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ công tác quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp sử dụng các thiết bị bảo vệ điện tiên tiến nhằm nâng cao mức độ an toàn trong sử dụng điện.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ như cảm biến IoT, hệ thống cảnh báo sớm đồng thời tuyên truyền và phổ biến kiến thức về an toàn điện nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin của người dân.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về an toàn điện trên địa bàn tỉnh, kết nối với ngành điện lực và các cơ quan liên quan; từng bước triển khai hệ thống cảnh báo sớm các khu vực có nguy cơ cao.

6. Công tác phối hợp liên ngành

- Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong việc triển khai các nhiệm vụ bảo đảm an toàn điện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về điện lực và lực lượng phòng cháy, chữa cháy trong công tác kiểm tra, giám sát an toàn điện nhằm phòng ngừa cháy, nổ do điện gây ra.

- Tăng cường vai trò của UBND các cấp trong công tác quản lý nhà nước về an toàn điện tại địa phương.

- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng điện an toàn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện giai đoạn 2026 - 2035 được trích từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Ưu tiên nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia (*xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, chuyển đổi số...*)

2. Kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2035

- Nguồn kinh phí sự nghiệp Công Thương.

- Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh, hàng năm căn cứ vào các nội dung của Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có

trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí chi tiết thực hiện, gửi cơ quan Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh, xem xét phê duyệt theo quy định.

- Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đang triển khai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các chương trình về phòng cháy, chữa cháy; xây dựng nông thôn mới; chỉnh trang đô thị; chuyển đổi số và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Nguồn kinh phí xã hội hóa, tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan đầu mối có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm phù hợp với tình hình thực tế.

- Chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn điện; xây dựng tài liệu tuyên truyền; tổ chức các chiến dịch truyền thông về sử dụng điện an toàn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với Công ty Điện lực Sơn La tổ chức đào tạo, tập huấn về an toàn điện cho cán bộ quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp xã, phường; hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác an toàn điện cho các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về an toàn điện; phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư có nguy cơ cao xảy ra tai nạn điện và cháy, nổ do điện.

- Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn điện trên địa bàn tỉnh; tổng hợp số liệu về tai nạn điện, sự cố điện; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

- Chủ trì đề xuất các giải pháp nâng cao an toàn hệ thống điện, phối hợp với đơn vị điện lực và chính quyền địa phương triển khai các hoạt động cải tạo hệ thống điện tại khu dân cư.

2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn điện trong thiết kế, thi công xây dựng công trình, xử lý các công trình không đảm bảo an toàn điện theo thẩm quyền (khi có yêu cầu).

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về an toàn điện trong công trình xây dựng.

- Lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn điện trong phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở và chỉnh trang đô thị theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong công tác bảo đảm an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp triển khai các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trong bảo đảm an toàn điện tại khu dân cư, chợ, trường học và cơ sở sản xuất, từng bước nhân rộng các mô hình hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến lĩnh vực an toàn điện, lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn điện trong các chương trình, đề án khoa học và công nghệ của tỉnh (nếu có).

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng điện an toàn trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong vận hành máy móc, thiết bị điện phục vụ tưới tiêu, chế biến và bảo quản nông sản.

- Phối hợp kiểm tra, rà soát việc bảo đảm an toàn điện tại các cơ sở sản xuất nông nghiệp, trang trại, cơ sở nuôi trồng thủy sản và các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có sử dụng thiết bị điện; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các nguy cơ mất an toàn điện; hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác thực hiện đúng quy định.

- Hướng dẫn các địa phương lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn điện trong xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng nông thôn và tổ chức sản xuất nông nghiệp.

- Phối hợp rà soát, xác định các khu vực sản xuất nông nghiệp có nguy cơ cao xảy ra tai nạn điện để cảnh báo, hướng dẫn biện pháp phòng ngừa.

- Phối hợp cung cấp thông tin, cảnh báo về tình hình thiên tai có thể ảnh hưởng đến hệ thống điện, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan thẩm định dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch hằng năm.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành để triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch.

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí gửi về Sở Công Thương tổng hợp trước 30 tháng 8 hằng năm.

- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sử dụng điện an toàn cho học sinh, giáo viên và nhân viên trong nhà trường.

- Lồng ghép nội dung giáo dục về an toàn điện vào các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt dưới cờ và các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

- Phối hợp với Sở Công Thương và đơn vị điện lực tổ chức các buổi tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng phòng tránh tai nạn điện cho học sinh.

- Chỉ đạo kiểm tra hệ thống điện trong trường học, kịp thời khắc phục các nguy cơ mất an toàn điện trong khuôn viên nhà trường.

7. Công an tỉnh

- Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành về an toàn điện gắn với phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở có nguy cơ cháy, nổ cao.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy liên quan đến hệ thống điện tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tàng, chợ, trung tâm thương mại và khu dân cư.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng cháy, chữa cháy liên quan đến sử dụng điện an toàn.

- Chủ trì điều tra nguyên nhân các vụ cháy, nổ do điện gây ra; phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các biện pháp phòng ngừa.

- Phối hợp tổ chức diễn tập xử lý tình huống cháy, nổ do điện gây ra tại các khu vực trọng điểm.

8. UBND các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Phối hợp với Sở Công Thương và đơn vị Công ty Điện lực Sơn La tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sử dụng điện an toàn đến từng hộ gia đình, tổ chức kiểm tra hệ thống điện tại khu dân cư, chợ, trường học và cơ sở sản xuất trên địa bàn.

- Chỉ đạo rà soát, thống kê các khu vực có nguy cơ cao về mất an toàn điện, đề xuất các giải pháp khắc phục.

- Bố trí nguồn lực, huy động lực lượng dân phòng, tổ tự quản về an toàn điện tại thôn, bản để tăng cường giám sát cộng đồng, bảo đảm an toàn điện theo quy định.

- Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch tại địa phương, định kỳ hằng năm báo cáo về Sở Công Thương để tổng hợp.

9. Công ty Điện lực Sơn La

- Chủ trì rà soát, kiểm tra, quản lý vận hành an toàn đối với hệ thống điện thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; phối hợp với các cơ quan, địa phương tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến cáo về sử dụng điện an toàn tại khu dân cư, chợ, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh; kịp thời kiến nghị xử lý các nguy cơ mất an toàn điện phát hiện trong quá trình phối hợp kiểm tra.

- Chủ trì thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện theo quy định; thay thế các thiết bị điện không bảo đảm an toàn.

- Phối hợp với Sở Công Thương và UBND các xã, phường tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn.

- Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn về an toàn điện cho cán bộ cơ sở và người dân.- Chủ trì xử lý sự cố điện; bảo đảm cung cấp điện an toàn, ổn định.

- Thực hiện cải tạo, nâng cấp lưới điện thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tại các khu dân cư theo kế hoạch đầu tư, sửa chữa, cải tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổng hợp số liệu về sự cố điện, tai nạn điện, báo cáo định kỳ về Sở Công Thương để tổng hợp.

10. Các tổ chức chính trị - xã hội (*Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể*)

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sử dụng điện an toàn đến hội viên, đoàn viên và nhân dân.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền về an toàn điện trong các phong trào, cuộc vận động tại cộng đồng dân cư.

- Vận động người dân tích cực tham gia phát hiện, phản ánh các nguy cơ mất an toàn điện tại địa phương.

Trên cơ sở nội dung tổ chức thực hiện UBND tỉnh yêu cầu: Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan và Công ty Điện lực Sơn La căn cứ chức

năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ bảo đảm an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh. Định kỳ gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu từ UBND tỉnh, Bộ Công Thương để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./.

Phụ lục

**LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN TRONG SỬ DỤNG ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2026 – 2035**

I. Lộ trình tổng thể theo giai đoạn

Giai đoạn	Nội dung trọng tâm	Mục tiêu chính
2026–2027	Giai đoạn khởi động và triển khai nền tảng	Hoàn thiện cơ chế, tài liệu, tổ chức đào tạo và tuyên truyền diện rộng
2028–2030	Giai đoạn triển khai đồng bộ	Mở rộng kiểm tra, giám sát, nâng cao an toàn hệ thống điện
2031–2033	Giai đoạn nâng cao hiệu quả	Ứng dụng khoa học công nghệ, giảm mạnh tai nạn điện
2034–2035	Giai đoạn hoàn thiện và tổng kết	Đánh giá tổng thể, duy trì bền vững hệ thống an toàn điện

II. Lộ trình thực hiện chi tiết theo năm

[illegible]

[illegible]

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1100/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực
hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn
tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của UBND
tỉnh phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp
luật trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030";*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 109/TTr-STP ngày 30
tháng 4 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 08/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy về đổi mới, tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật (sau đây viết tắt PBGDPL), nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của Nhân dân.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030" được phê duyệt tại Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh của Đề án, làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ năm 2026.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tại địa phương; từng bước đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và nhiệm vụ chính trị được giao.

- Nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật, ý thức tự giác nghiên cứu, học tập, tìm hiểu pháp luật của cán bộ, Nhân dân trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được tiếp cận pháp luật thuận lợi, phù hợp với điều kiện vùng cao, dân tộc thiểu số.

Qua đó, tạo sự đồng thuận về nhận thức và hành động trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng thói quen, văn hóa sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại tỉnh Sơn La.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và điều kiện thực tiễn.

- Xác định nhiệm vụ PBGDPL nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của người dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao; gắn bó chặt chẽ công tác PBGDPL với tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người

dân, công tác xây dựng, thi hành pháp luật và giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

- Các hoạt động PBGDPL được tổ chức có trọng tâm, trọng điểm, tránh hình thức, dàn trải; nội dung tuyên truyền bảo đảm thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, đáp ứng yêu cầu nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân trên địa bàn tỉnh; nhất là các nhóm đối tượng thuộc phạm vi của Đề án nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL tại địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp và phân công rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện Đề án; nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan, đơn vị trong công tác PBGDPL, nhất là các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án.

- Phát huy vai trò của các cơ quan, đơn vị thông tin, báo chí trong thực hiện công tác PBGDPL.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai công tác PBGDPL. Đồng thời, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của pháp luật và mục đích, ý nghĩa của việc nâng cao hiểu biết pháp luật để thực hiện, bảo vệ các quyền theo đúng pháp luật

1.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả công tác PBGDPL. Đưa công tác PBGDPL vào nội dung chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, khuyến khích xem xét kết quả thực hiện công tác PBGDPL như một tiêu chí trong đánh giá, khen thưởng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương. Xây dựng môi trường tuân thủ pháp luật, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện tuyên truyền, PBGDPL đến Nhân dân.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường; Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

1.2. Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân và PBGDPL cho các đối tượng đặc thù (*người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*).

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

1.3. Tăng cường thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và PBGDPL trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. - Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

2. Đổi mới nội dung, cách thức phối hợp và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, công tác PBGDPL cấp xã

2.1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh trong định hướng, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra công tác PBGDPL. Đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng theo hướng thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Hội đồng. Bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, liên thông giữa Hội đồng tỉnh với UBND cấp xã trong chỉ đạo, triển khai công tác PBGDPL.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp; UBND các xã, phường.

- Đơn vị phối hợp: Các ngành thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

2.2. Rà soát, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; sửa đổi Quyết định kiện toàn Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; kiện toàn thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; kiểm tra công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh; sơ kết, tổng kết và đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Các ngành thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

3. Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người làm công tác PBGDPL

3.1. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người làm công tác PBGDPL có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với công tác PBGDPL. Nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng truyền đạt, kỹ năng truyền thông, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khả năng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội cho đội ngũ làm công tác PBGDPL.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

3.2. Rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp; UBND các xã, phường.
- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

3.3. Tổ chức Hội nghị quán triệt, tuyên truyền các văn bản luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp.
- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

4. Đổi mới mạnh mẽ công tác PBGDPL, trọng tâm là đổi mới nội dung, cách thức triển khai công tác PBGDPL theo hướng lấy người dân làm trung tâm, xuất phát từ nhu cầu của đối tượng thụ hưởng, phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số

4.1. Đổi mới, đa dạng hóa nội dung PBGDPL theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, từng lĩnh vực pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số, mạng xã hội, tính năng tiện ích ứng dụng công nghệ số trong công tác PBGDPL. Khuyến khích sáng kiến, mô hình PBGDPL mới, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

4.2. Truyền thông các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, chính sách có tác động lớn trong xã hội

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp.
- Đơn vị phối hợp: Báo và Phát thanh, truyền Sơn La; các cơ quan chủ trì soạn thảo.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

4.3. Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật bằng hình thức trực tuyến, sân khấu hóa theo lĩnh vực chuyên ngành pháp luật quản lý nhà nước.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

4.4. Tổ chức tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh; thông qua trưng trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân... Xây dựng, phát hành tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật theo phương thức hiện đại (*sổ tay điện tử, tờ gấp điện tử, tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật bằng hình ảnh, video, file âm thanh...*).

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

4.5. Triển khai thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật trên ứng dụng VNeID và các nền tảng số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

4.6. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc PBGDPL cho cán bộ và Nhân dân thông qua các hoạt động điều tra, truy tố xét xử; quan tâm tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động; làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ kiểm sát viên, thẩm phán về phương pháp, kỹ năng PBGDPL.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

4.7. Nâng cấp, phát triển Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Sơn La, tích hợp các tính năng tiện ích ứng dụng công nghệ số.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Kế hoạch này được bố trí trong dự toán của cơ quan, đơn vị năm 2026 tại Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

2. Việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này; báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh (*nội dung báo cáo lồng ghép trong báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*) theo quy định.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước, tích cực vận động Nhân dân tự giác tìm hiểu pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật của tổ chức mình; vận động, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia và hỗ trợ hoạt động PBGDPL; đẩy mạnh giám sát các hoạt động thực thi pháp luật của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, kiến nghị xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, xác định nội dung trọng tâm, thời điểm cao điểm, hình thức tuyên truyền phù hợp; chỉ đạo việc tuyên truyền gắn với công tác dân vận, vận động Nhân dân tham gia tìm hiểu, chấp hành pháp luật; phối hợp giới thiệu, nhân rộng gương điển hình, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác PBGDPL.

Chỉ đạo Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La tăng cường mở các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về PBGDPL; trong đó ưu tiên những nội dung quan trọng, lựa chọn thời lượng và thời điểm phát sóng/đăng tải vào khung giờ phù hợp để thu hút đông đảo người xem.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan

Có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; tăng cường phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cơ quan thông tin, báo chí trong triển khai nhiệm vụ; gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) trước ngày 15 tháng 11 năm 2026 hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (lồng ghép trong báo cáo công tác phổ biến giáo pháp luật) để tổng hợp, xây dựng báo cáo chung.

5. Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai, thực hiện Kế hoạch nếu có vướng mắc, đề nghị các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1113/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-BCT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 109/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức chi hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 121/TTr-SCT ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Công văn số 1052/SCT-QLCN ngày 29 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030.

(có Chương trình khuyến công kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm

Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030

I. QUAN ĐIỂM CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển hoạt động khuyến công gắn với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển công nghiệp nông thôn (CNNT) theo hướng bền vững, thân thiện môi trường và thích ứng với chuyển đổi số.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội để thúc đẩy phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN TTCN), nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm.

3. Hoạt động khuyến công phải gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, phát huy lợi thế địa phương về chế biến nông lâm sản, sản phẩm đặc trưng vùng miền và nghề truyền thống.

4. Ưu tiên hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh.

5. Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tổ chức khoa học công nghệ và các tổ chức xã hội trong triển khai hoạt động khuyến công.

6. Gắn kết chặt chẽ với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và xây dựng nông thôn mới” để tạo sự đồng bộ trong triển khai các nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị, phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh để khai thác tối đa lợi thế địa phương.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Phát triển CNNT tỉnh Sơn La theo hướng hiện đại, bền vững; nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của các cơ sở công nghiệp nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành

thâm dụng tài nguyên và lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm CNNT.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các-bon (carbon) thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với các tiêu chuẩn và tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực. Địa phương thực hiện được các đề án khuyến công có tác động lan tỏa, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của vùng, địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững:

- Hỗ trợ xây dựng 04 mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới.

- Hỗ trợ xây dựng 02 mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở CNNT.

- Hỗ trợ 23 cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; Hỗ trợ 05 dây chuyền công nghệ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

b) Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

- Tổ chức 02 chương trình bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; Hỗ trợ 05 phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các điểm trưng bày trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ 45 cơ sở CNNT có sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia, cấp tỉnh trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại cơ sở.

- Tổ chức 01 hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước; Hỗ trợ các cơ sở CN-TTCN tham gia 05 hội chợ, triển lãm trong nước; Tham gia 09 hội chợ, triển lãm quảng bá sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của tỉnh; Hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho 08 cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài.

- Hỗ trợ xây dựng và đăng ký 50 nhãn hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn; hỗ trợ 45 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thuê tư vấn, trợ giúp thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói.

c) Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn: Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại 02 cụm công nghiệp.

d) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT:

- Hỗ trợ 04 lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật nâng cao kiến thức và tay nghề cho thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp, truyền nghề cho người lao động.

- Hỗ trợ thành lập 06 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

e) Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNNT; công tác truyền thông

- Xây dựng 04 chương trình truyền hình, truyền thanh tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Xuất bản 5.000 bản tin ấn phẩm về các hoạt động trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

g) Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

- Tham dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn về chương trình hoạt động khuyến công do Bộ Công Thương tổ chức tại các tỉnh, thành phố; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Khuyến công và PTCN.

- Tổ chức 05 đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp ở trong nước và nước ngoài;

- Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công hàng năm;

III. YÊU CẦU

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên địa bàn tỉnh; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ngành Công Thương giai đoạn 2026 - 2030.

2. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường trách nhiệm của các sở, ngành, các xã, phường, các tổ chức xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai, kiểm tra, giám sát các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý Nhà nước về Công Thương ở địa phương, năng lực thực hiện của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Du lịch và Thương mại tỉnh, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường của tỉnh Sơn La (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công *(được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)* nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

V. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN TTCN; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông, lâm, thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương.

b) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến hiện đại vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm.

c) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, lựa chọn giải pháp và xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia các hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

b) Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm.

c) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ xây dựng Website, gian hàng số, tài khoản mạng xã hội, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm CNNT và các hoạt động số hóa khác.

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

b) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

a) Hỗ trợ đào tạo theo đơn đặt hàng cho các cơ sở CNNT, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các khâu của quá trình đào tạo. Các ngành nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo: giải quyết nhiều việc làm, sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu, khôi phục phát triển ngành nghề truyền thống, đào tạo kiến thức pháp luật, kinh doanh, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

b) Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Hỗ trợ, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNNT; công tác truyền thông

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông.

b) Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT. Hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

c) Hỗ trợ công bố thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, các thông tin khác theo nhu cầu của cơ sở CNNT trên trang thông tin điện tử của sở, ngành, địa phương và của Bộ Công Thương phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

b) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công. Xây dựng, tổ chức hoặc tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong và ngoài nước.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin; cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quản lý khuyến công.

d) Kiểm tra giám sát, xây dựng cơ chế chính sách, quản lý chương trình đề án khuyến công.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

Nguồn hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia; nguồn đối ứng từ các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình; nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí hỗ trợ: 25.965 triệu đồng.

Trong đó:- Kinh phí từ nguồn khuyến công quốc gia: 7.530 triệu đồng.- Kinh phí từ nguồn khuyến công tỉnh: 18.435 triệu đồng. *(Chi tiết nội dung, kinh phí thực hiện cụ thể tại Phụ lục kèm theo).*

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể xã hội trong chỉ đạo, điều hành phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai hoạt động khuyến công; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Nhà nước về khuyến công để người dân, doanh nghiệp nhận thức Chương trình khuyến công của tỉnh là một chủ trương đúng đắn và phù hợp với điều kiện hiện nay của địa phương. Huy động các doanh nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tích cực tham gia và hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công.

3. Thường xuyên rà soát, xây dựng, bổ sung, sửa đổi hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh trong lĩnh vực khuyến công; việc lựa chọn doanh nghiệp, cơ sở thụ hưởng đảm bảo công khai minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

4. Tăng cường tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở CNNT. Đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyên truyền để các cơ sở CNNT nắm bắt và chủ động tham gia Chương trình. Tăng cường ứng dụng dựa trên các nền tảng di động, công nghệ thông tin thông minh, thương mại điện tử trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

5. Nâng cao chất lượng trong công tác khảo sát, xây dựng đề án khuyến công; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Đề án khuyến công đảm bảo nguồn kinh phí khuyến công được sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật, của tỉnh.

6. Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy hoạt động khuyến công.

7. Bảo đảm cân đối bố trí kinh phí khuyến công tỉnh hàng năm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện chương trình đạt hiệu quả nhất. Ngoài nguồn ngân sách tỉnh cấp hàng năm, huy động nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình và nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

8. Hỗ trợ tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Tham mưu UBND tỉnh rà soát, sửa đổi, hoàn thiện, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Chương trình; hướng dẫn, xử lý những vướng mắc liên quan đến hoạt động khuyến công.

- Thẩm định các đề án thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thẩm định, trình Bộ Công Thương phê duyệt; tham gia ý kiến đối với các đề án khuyến công địa phương.- Kiểm tra, giám sát công tác nghiệm thu các chương trình, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh theo mục tiêu Chương trình đề ra.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Công Thương, UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ trì thẩm định dự toán kinh phí thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công hằng năm; hướng dẫn lập, quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch lồng ghép các nguồn lực, các Chương trình mục tiêu quốc gia (*Chương trình xây dựng nông thôn mới, Kế hoạch triển khai Chương trình Môi*

xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Sơn La) trong việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tuyên truyền tới các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp kết quả các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã nghiệm thu hiệu quả để doanh nghiệp lựa chọn ứng dụng vào thực tiễn sản xuất; tìm kiếm và thông tin tuyên truyền về những công nghệ tiên tiến, phù hợp với năng lực sản xuất tại địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp xác lập, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ (*gồm hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích,...*) đối với sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan

- Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công; thực hiện lồng ghép các dự án thuộc các chương trình mục tiêu của do ngành, đơn vị mình quản lý với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện; phối hợp tuyên truyền để các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất được biết và tham gia chương trình.

- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh: tăng thời lượng thông tin, tuyên truyền chủ trương chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; giới thiệu tình hình, kết quả hoạt động khuyến công, các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, công nghệ, kỹ thuật tiên bộ, sản phẩm mới, sản phẩm tiêu biểu, những làng nghề, doanh nhân thành đạt... góp phần tạo khí thế thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn đăng ký tham gia hoạt động khuyến công.

- Chủ trì rà soát, tổng hợp, đăng ký nhu cầu hỗ trợ khuyến công của các cơ sở CNNT trên địa bàn; phối hợp triển khai các nội dung, đề án khuyến công khi được phê duyệt; thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ theo quy định.

- Giám sát các hoạt động khuyến công trên địa bàn, đặc biệt đối với các cơ sở CNNT được hỗ trợ từ nguồn kinh phí theo chương trình, đề án khuyến công.

7. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường tuyên truyền, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm trên địa bàn tỉnh theo các nội dung của Chương trình này.

- Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí để triển khai các đề án thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia gửi Sở Công Thương thẩm định trình Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thẩm định, trình Bộ Công Thương phê duyệt; xây dựng dự toán kinh phí để triển khai các đề án thực hiện

bằng nguồn ngân sách địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Trực tiếp tổ chức triển khai các đề án, nhiệm vụ khuyến công được giao; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu của Chương trình đề ra.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ kết quả triển khai thực hiện Chương trình, đề án khuyến công về Sở Công Thương trước 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

8. Các cơ sở công nghiệp nông thôn

- Tích cực nghiên cứu, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, kinh doanh của cơ sở, trên cơ sở nghiên cứu nội dung chương trình khuyến công, từ đó tích cực đăng ký tham gia thực hiện chương trình. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, UBND các xã, phường báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Sở Công Thương*) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Phụ lục
NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG

TT		Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng										Kinh phí hỗ trợ (trị giá đồng)											
				Tổng số	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng kinh phí	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
					KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương		KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương
1		Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (CN-TTCN); hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững																							
-		Hỗ trợ mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	Mô hình	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-		Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng đến các tổ chức cá nhân khác học tập	Mô hình	2	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
-		Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	Mô hình	2	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
-		Hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến, chuyển giao công nghệ tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Cơ sở	23	1	2	2	3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	6.900	300	600	900	600	900	900	
-		Hỗ trợ đẩy chuyển công nghệ tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Cơ sở	5	0	0	1	1	1	1	0	1	1	0	0	0	0	2.250	0	450	450	0	450	0	
2		Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn																							
-		Tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Đợt	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	600	0	0	0	0	0	0	300	

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng										Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)											
			Tổng số	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng kinh phí	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
				KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương		KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương
-	Hỗ trợ phòng trưng bày giới thiệu quảng bá các sản phẩm công nghiệp nông thôn và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại siêu thị, nhà hàng, khách sạn, điểm dừng nghỉ trên quốc lộ, ... gần với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính	Phòng	5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	250	0	250	0	250	0	250	
-	Hỗ trợ cơ sở CNTT có sản phẩm CNTT tiêu biểu cấp quốc gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại cơ sở	Cơ sở	20	0	0	0	5	0	0	5	0	5	0	5	0	1.000	0	0	250	0	250	0	250	
-	Hỗ trợ cơ sở CNTT có sản phẩm CNTT tiêu biểu cấp tỉnh trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại cơ sở	Cơ sở	25	0	5	0	5	0	5	0	5	0	5	0	750	0	150	0	150	0	150	0	150	
-	Tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước	Hội chợ	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1.280	0	0	0	0	1.280	0	0	0	
-	Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tham gia 05 hội chợ, triển lãm trong nước	Hội chợ	5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	500	0	100	0	100	0	100	0	100	
-	Tham gia hội chợ, triển lãm quảng bá các sản phẩm công nghiệp tiêu biểu và sản phẩm OCOP của tỉnh	Hội chợ	9	0	1	0	2	0	2	0	2	0	2	0	900	0	100	0	200	0	200	0	200	
-	Hỗ trợ chi phí về máy bay cho cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài	Cơ sở	8	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	200	0	0	0	0	0	0	0	100	
-	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn	Nhãn hiệu	50	0	10	0	10	0	10	0	10	0	10	0	1.750	0	350	0	350	0	350	0	350	
-	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thuê tư vấn, trợ giúp	Cơ sở	45	0	5	0	10	0	10	0	10	0	10	0	1.575	0	175	0	350	0	350	0	350	

			Số lượng										Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)												
TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Tổng số	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng kinh phí	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		
				KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương		KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia
-	Thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói																								
3	Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn																								
-	Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại cụm công nghiệp	Cụm	2	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	600	0	0	0	0	300	0	0	300	0	0	
4	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNTT																								
-	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, cấp nhất năng cao kiến thức năng cao kỹ năng cho thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thụ công nghiệp, truyền nghề cho người lao động.	Lớp	4	0	0	0	1	0	1	0	1	0	1	200	0	0	0	50	0	50	0	50	0	50	
-	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật	Doanh nghiệp	6	0	0	0	0	0	2	0	2	0	2	60	0	0	0	0	20	0	20	0	20	0	20
5	Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển CNTT; công tác truyền thông																								
-	Thực hiện xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp	Chương trình	4	0	0	0	1	0	1	0	1	1	200	0	0	0	50	0	50	0	50	0	50	0	50

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng										Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)											
			Tổng số	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng kinh phí	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
				KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương		KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương	KC quốc gia	KC địa phương
-	Xuất bản báo tin, ấn phẩm về các hoạt động trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Bản tin	5.000	0	0	0	0	0	2.500	0	2.500	0	2.500	0	250	0	0	0	125	0	125	0	0	0
-	Tổ chức chương trình tuyên truyền sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	Hội nghị	24	0	4	0	5	0	0	5	0	5	0	1.200	0	200	0	250	0	250	0	250	0	250
6	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công																							
	Tham dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn về chương trình hoạt động khuyến công do Bộ Công Thương tổ chức tại các tỉnh, thành phố	Lượt	5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	250	0	50	0	50	0	50	0	50	0	50
-	Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp ở trong nước	Đoàn	4	0	0	0	1	0	1	0	1	0	1	250	0	0	0	62.5	0	62.5	0	62.5	0	62.5
-	Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp tại nước ngoài	Đoàn	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	300	0	0	0	0	0	300	0	0	0	0
-	Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công hàng năm	Xã/ phường	5	0	1	0	1	0	1	0	1	0	1	500	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100
				Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình										25.965	300	2.075	1.550	3.563	4.758	1.880	4.508	2.450	3.533	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1114/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi Điều 3 Quyết định số 876/QĐ-UBND
ngày 06/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Thực hiện Kết luận số 104/KL-MTTQ-BTT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh của đồng chí Chá A Cua - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tại cuộc làm việc với lãnh đạo UBND tỉnh và lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh về việc thảo luận, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 397/TTr-SNV ngày 06 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 3 Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

“Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.”

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1117/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 207-KL/TW ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc triển khai Kết luận số 207-KL/TW ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Thực hiện Quyết định số 2724/QĐ-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Bộ Công Thương về phê duyệt Đề án Phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2026 - 2030;

Thực hiện Quyết định số 239/QĐ-BCT ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ Công Thương về phê duyệt Chương trình quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 126/TTr-SCT ngày 16 tháng 4 năm 2026 và Báo cáo số 278/BC-SCT ngày 06 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai chương trình quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế

hoạch này. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1117/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 5 năm 2026

**KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ BẢO VỆ
QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

**Phần thứ nhất
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG
BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Trong thời gian qua, công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh đã có những tác động tích cực, góp phần nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, cũng như ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhiều đơn vị đã chú trọng hơn đến việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, thực hiện chính sách bảo hành, đổi trả, hoàn tiền khi có lỗi phát sinh, qua đó xây dựng niềm tin và duy trì quan hệ lâu dài với khách hàng.

Các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã có nhiều nỗ lực trong việc tư vấn, hỗ trợ, tiếp nhận khiếu nại và truyền thông chính sách pháp luật, dần khẳng định vai trò là cầu nối giữa người tiêu dùng với cơ quan quản lý và doanh nghiệp, góp phần xây dựng môi trường tiêu dùng an toàn, minh bạch và bền vững.

Phong trào hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam (15/3 hàng năm) đã được hình thành, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, trách nhiệm trong bảo vệ người tiêu dùng. Nội dung tuyên truyền gắn với các cuộc vận động lớn như: “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”, tạo sức lan tỏa xã hội tích cực.

Các cơ quan báo chí, truyền thông địa phương đã tăng cường thời lượng và chất lượng tin bài, góp phần chuyển tải thông tin chính sách, pháp luật và cảnh báo rủi ro đến người tiêu dùng một cách kịp thời, hiệu quả.

Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh được thành lập là cầu nối giữa người tiêu dùng với cơ quan quản lý và doanh nghiệp, phát huy vai trò công tác tư vấn, tiếp nhận và xử lý khiếu nại về quyền của người tiêu dùng. Trong giai đoạn

2021 – 2025 đã tiếp nhận 01 vụ và xử lý vụ việc khiếu nại về chất lượng hàng hóa và dịch vụ của người tiêu dùng.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gây ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng. Hoạt động kiểm tra đồng thời được kết hợp với công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân kinh doanh.

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần mở rộng hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, tạo tiền đề để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

II. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN

Nhìn chung, hoạt động tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức toàn xã hội, lan tỏa thông điệp về tiêu dùng an toàn, có trách nhiệm và thúc đẩy sự tham gia tích cực của cả người tiêu dùng lẫn doanh nghiệp trong bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân. Tuy nhiên, một số hoạt động tuyên truyền về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng mới được thực hiện trong một số thời điểm nhất định, do đó chưa tạo ra được phong trào rộng khắp và thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội. Hiệu quả tiếp cận còn thấp, nhất là tại các khu vực vùng sâu, vùng xa.

Điều kiện kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, việc bố trí ngân sách cho hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng còn hạn chế. Trong khi đó phần lớn cơ sở kinh doanh hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ, số lượng doanh nghiệp có quy mô lớn còn rất ít. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa để thực hiện hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng rất khó khăn.

Bộ máy thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực này chủ yếu được giao cho Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, nguồn nhân lực, bộ phận phụ trách là kiêm nhiệm.

Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Sơn La đã được thành lập và đi vào hoạt động, tuy nhiên còn chưa thực sự hiệu quả. Nhân sự Ban chấp hành Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng phần lớn cán bộ, công chức thực hiện kiêm nhiệm do đó việc bố trí thời gian dành cho hoạt động của Hội còn nhiều hạn chế, mặt khác việc huy động kinh phí phục vụ cho việc duy trì hoạt động một cách thường xuyên gặp khó khăn.

Hình thức buôn bán hàng hóa trên các trang mạng xã hội diễn ra phổ biến nhưng không đảm bảo chất lượng hàng hóa, nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng, quảng cáo sai sự thật, không có địa chỉ kinh doanh cụ thể, rõ ràng hoặc không có hóa đơn, chứng từ... chưa được kiểm soát, phát hiện, đấu tranh hiệu quả; các đối tượng lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để thực hiện các hành vi buôn bán hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng gây ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của các

doanh nghiệp hoạt động chân chính và quyền lợi của người tiêu dùng cũng như gây khó khăn trong quá trình bảo vệ người tiêu dùng.

Nhận thức của một bộ phận người dân về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng còn hạn chế. Tâm lý e ngại, thiếu thông tin, thiếu kỹ năng xử lý khi quyền lợi bị xâm phạm vẫn còn khá phổ biến, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các hoạt động bảo vệ người tiêu dùng tại cơ sở.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Chương trình quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao vai trò và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hoá dịch vụ đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; chủ động kiểm soát các hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng trong bối cảnh phát triển thương mại điện tử, kinh doanh theo phương thức đa cấp và các mô hình kinh doanh mới; xây dựng môi trường tiêu dùng an toàn, lành mạnh, minh bạch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng phải đa dạng, phong phú, phù hợp với các nội dung tại Quyết định số 2724/QĐ-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Bộ Công Thương, Quyết định số 239/QĐ-BCT ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ Công Thương; kết hợp lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh gắn với vai trò, trách nhiệm thực hiện của từng sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các xã, phường và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan, đảm bảo tính khả thi, thiết thực, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 207-KL/TW ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30/CT/TW ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc triển khai Kết luận số 207-KL/TW ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; triển khai

các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Qua đó, nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đồng thời tạo cơ sở để huy động, tập trung sự quan tâm, hưởng ứng, tham gia của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến hết năm 2030, mục tiêu cụ thể cần đạt được của Chương trình:

- Hàng năm trên địa bàn tỉnh đều có hoạt động hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam.

- Hàng năm tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cho cán bộ công chức, viên chức thuộc các cơ quan quản lý nhà nước, các tiểu thương tại chợ; các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa dịch vụ trên địa bàn tỉnh; trong đó ưu tiên cho đối tượng người tiêu dùng yếu thế như học sinh, sinh viên, người tiêu dùng ở khu vực nông thôn, vùng sâu, xa... Đẩy mạnh tuyên truyền, bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử, kinh tế số và kinh tế chia sẻ; khuyến khích kinh doanh, tiêu dùng bền vững.

- Bố trí, công khai thông tin liên hệ, duy trì hoạt động của đầu mối tiếp nhận, tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh giải quyết tranh chấp tiêu dùng.

- Bố trí công khai đầu mối tiếp nhận, tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng giải quyết tranh chấp tiêu dùng phát sinh trong một số lĩnh vực chuyên ngành có vấn đề nổi cộm, trong đó tập trung lĩnh vực: thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, an toàn thực phẩm, y tế, viễn thông, sở hữu trí tuệ, ...

- Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm pháp luật đi đôi với việc tăng cường các chế tài và hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm; trong đó tập trung điều tra, xử lý nghiêm hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản phẩm, dịch vụ không đảm bảo an toàn, cung cấp thông tin sai lệch, gian dối, gây nhầm lẫn, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, áp đặt điều khoản không được phép, gây bất lợi cho số lượng lớn người tiêu dùng thông qua hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

- Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện ít nhất 50 hoạt động khảo sát, thử nghiệm chất lượng hàng hoá, dịch vụ để thông tin, cảnh báo cho người tiêu dùng.

- Rà soát, kiện toàn Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh.

- Kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc hàng hoá quốc gia, hộ chiếu số của sản phẩm, đảm bảo người tiêu dùng có thể truy cập thông tin về nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, tạo cơ sở phân biệt sản phẩm chính hãng với hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Khuyến khích các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hoá.

- Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các giao dịch trên không gian mạng; tăng cường rà soát, nâng cao nhận thức tuân thủ pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cho người có ảnh hưởng khi cung cấp thông tin cho người tiêu dùng trên không gian mạng.

- Đẩy mạnh, phát huy sự tham gia của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh uy tín trong các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trong đó có các hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm cũng như hợp tác giải quyết tranh chấp xuyên biên giới, thu hồi hàng hoá có khuyết tật, bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

- Bảo đảm các khiếu nại, yêu cầu hợp pháp, chính đáng của người tiêu dùng được tiếp nhận, tư vấn, hỗ trợ tại các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tại các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, trong đó tỷ lệ giải quyết khiếu nại thành công đạt trên 80% vụ việc được tiếp nhận.

- 100% các xã, phường có đầu mối thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- 100% hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung được kiểm tra, rà soát định kỳ.

- 100% doanh nghiệp bán hàng đa cấp hoạt động trên địa bàn được quản lý, kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất.

- 100% chợ, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh trang bị cân đối chứng, thiết bị đo lường để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa.

- Phát triển mạng lưới tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đến cấp xã; nâng cao năng lực hoạt động của Hội Bảo vệ người tiêu dùng tỉnh.

- Lồng ghép mục tiêu phát triển tiêu dùng xanh, tiêu dùng bền vững và chuyển đổi số trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, khuôn khổ pháp lý về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (*bao gồm cả kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp*) nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, văn bản hướng dẫn của Sở Công Thương để cụ thể hóa quy định pháp luật phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa Quy chế phối hợp quản

lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và quy trình phối hợp cụ thể giữa các cơ quan quản lý nhà nước và Hội Bảo vệ người tiêu dùng tỉnh trong việc tiếp nhận, chuyển giao, xác minh và xử lý khiếu nại.

- Tham mưu lồng ghép các nội dung bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình chuyển đổi số, thương mại điện tử, phát triển thị trường trong nước,... nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong triển khai.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Tăng cường tổ chức các chương trình truyền thông trọng điểm, như: Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam (15/3) hằng năm với các hoạt động phong phú, thiết thực; Các chiến dịch truyền thông chuyên đề về tiêu dùng xanh, tiêu dùng an toàn trên môi trường số, kỹ năng xử lý tình huống khi bị xâm phạm quyền lợi.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách và pháp luật về bảo vệ quyền lợi tiêu dùng theo hình thức trực tiếp và/hoặc trực tuyến, thông qua các hoạt động hội thảo, hội nghị, tọa đàm; truyền thông trên các phương tiện truyền hình, truyền thanh, báo điện tử, diễn đàn trên Internet; xây dựng và phát hành ấn phẩm, đoạn phim, phóng sự truyền hình, tờ rơi; treo băng rôn, khẩu hiệu, tổ chức các chương trình, cuộc thi hoặc sự kiện công cộng và các hình thức khác.

- Ưu tiên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cho nhóm đối tượng người tiêu dùng dễ bị tổn thương với các nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến cập nhật các cam kết quốc tế, khu vực và quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, các tiêu chuẩn quốc tế về sản phẩm, nhất là thực phẩm, dược phẩm.

- Tăng cường đưa tin về công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng các quy định về giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng, đặc biệt là áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; khởi kiện vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vì lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Tổ chức lồng ghép các lớp tập huấn theo hình thức trực tiếp và/hoặc trực tuyến cho các cán bộ, đối tượng làm công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng tài liệu, giáo trình và tổ chức giảng dạy, đào tạo về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cho đối tượng người tiêu dùng là học sinh, sinh viên, trong đó

lồng ghép nội dung liên quan đến kiến thức, kỹ năng tiêu dùng trong thương mại điện tử.

4. Nâng cao hiệu quả thực thi bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ chuyên trách có kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Nâng cao hiệu quả thực thi cơ chế kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, công tác bảo vệ người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử.

- Phát triển và nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, Hội Bảo vệ người tiêu dùng tỉnh.

- Tạo điều kiện và xây dựng cơ chế đặc thù để Hội Bảo vệ người tiêu dùng tham gia tích cực vào công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người tiêu dùng, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và phát huy sự chủ động trong hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Tăng cường phối hợp liên ngành giữa Sở Công Thương, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt là hành vi gian lận, quảng cáo sai sự thật, lừa đảo qua mạng.

- Nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, tư vấn, hỗ trợ, giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng, bảo đảm đúng quy định pháp luật, nhanh chóng, kịp thời, tạo niềm tin cho người dân: Kết nối, liên thông hệ thống tiếp nhận phản ánh tại địa phương với Cổng Thông tin bảo vệ người tiêu dùng quốc gia; Phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của từng cơ quan trong quá trình xử lý.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin giữa các địa phương, các cơ quan Trung ương, tận dụng hệ thống cơ sở dữ liệu chung về doanh nghiệp, hợp đồng theo mẫu, hành vi vi phạm để xử lý hiệu quả các vụ việc có tính chất liên tỉnh, liên ngành.

5. Tăng cường công tác đánh giá chất lượng hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

- Xây dựng cơ chế phối hợp và hỗ trợ giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng với các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện việc đánh giá chất lượng hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, đặc biệt là trong các lĩnh vực an toàn thực phẩm, y tế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng.

- Đề xuất cơ chế, tổ chức, trang bị một số công cụ, phương tiện, thiết bị kiểm tra, đánh giá chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng các cấp, các cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Tăng cường triển khai các hoạt động lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng hàng hóa; đẩy mạnh áp dụng quản lý chất lượng bằng tiêu chuẩn và quy chuẩn.

- Tăng cường quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa; kiểm tra, xử lý gian lận về đo lường, hàng giả, hàng kém chất lượng và thực hiện cảnh báo rủi ro để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Hỗ trợ tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng độc lập khảo sát, thử nghiệm chất lượng hàng hóa, dịch vụ để thông tin, cảnh báo cho người tiêu dùng theo quy định.

- Tăng cường hoạt động cảnh báo, chia sẻ thông tin về sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Thúc đẩy chuyển đổi xanh trong hoạt động tiêu dùng và kinh doanh như: Tuyên truyền, khuyến khích người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, có nhãn sinh thái; Vận động doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững; Ưu tiên các hoạt động, chương trình tuyên truyền về tiêu dùng xanh trong Tháng hành động vì quyền lợi người tiêu dùng.

- Phối hợp với Bộ Công Thương, kết nối, vận hành đồng bộ với Hệ thống Tổng đài tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng 1800.6838 và cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ người tiêu dùng.

- Ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Khuyến khích, thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và sàn thương mại điện tử áp dụng truy xuất nguồn gốc, công nghệ số, xác thực nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ cho người tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

7. Triển khai các chương trình khuyến khích doanh nghiệp thực hiện quy tắc đạo đức ứng xử với người tiêu dùng, tiêu chí, chuẩn mực trong kinh doanh nhằm tối ưu hóa lợi ích của người tiêu dùng.

- Khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện quy tắc đạo đức ứng xử với người tiêu dùng, tiêu chí, chuẩn mực trong kinh doanh nhằm tối ưu hóa lợi ích của người tiêu dùng.

- Khuyến khích doanh nghiệp tự chuẩn hóa và áp dụng quy trình, thủ tục tuân thủ nội bộ nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ và hiệu quả các trách nhiệm đối với người tiêu dùng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

- Thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, trí tuệ nhân tạo hướng đến sản xuất, kinh doanh sản phẩm tiêu dùng xanh, tiêu dùng bền vững, nhằm bảo đảm an toàn, sức khỏe của người tiêu dùng và nâng cao lợi ích cộng đồng.

8. Hợp tác về bảo vệ người tiêu dùng

- Tăng cường trao đổi, cập nhật thông tin, chính sách và các mô hình bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tiên tiến từ các tổ chức quốc tế, các quốc gia, vùng lãnh thổ, đặc biệt là các nước ASEAN và các đối tác trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA), nhằm học hỏi kinh nghiệm và vận dụng phù hợp vào điều kiện địa phương.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành Trung ương trong việc triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế, tham gia các chương trình, dự án, hội nghị, hội thảo quốc tế về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng do các tổ chức quốc tế, đối tác nước ngoài tổ chức.

- Khuyến khích các tổ chức xã hội, Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các mạng lưới, diễn đàn quốc tế và khu vực về bảo vệ người tiêu dùng, thương mại điện tử, chuyển đổi số, tiêu dùng xanh,... để mở rộng kênh hợp tác và học hỏi kinh nghiệm.

- Tiếp nhận, áp dụng có chọn lọc các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế và thông lệ tốt trong bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử xuyên biên giới.

9. Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các giao dịch trên không gian mạng

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, trang bị kiến thức, kỹ năng kinh doanh, tiêu dùng trên không gian mạng đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng.

10. Các hoạt động khác

Các hoạt động phát triển công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khác phù hợp với thực tiễn và pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này. Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai hằng năm, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch; tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

Tổ chức, triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, tổ chức xã hội thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh, UBND các xã, phường tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam (15/3), trong đó tập trung các hoạt động diễu hành, tọa đàm, treo băng rôn, khẩu hiệu, phát tờ rơi tuyên truyền.

Chủ trì thực hiện công tác kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai các mô hình tiêu dùng bền vững.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, cập nhật, chỉnh sửa Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và quy trình phối hợp cụ thể giữa các cơ quan quản lý nhà nước và Hội Bảo vệ người tiêu dùng tỉnh trong việc tiếp nhận, chuyển giao, xác minh và xử lý khiếu nại.

Tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan Trung ương, các địa phương khác, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và đối tác quốc tế trong các hoạt động hợp tác, trao đổi thông tin, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tổng hợp xây dựng báo cáo kết quả triển khai các hoạt động về công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của UBND tỉnh, Bộ Công Thương và theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các hoạt động kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực giá.

Trên cơ sở kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hàng năm của các sở, ngành, căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Công Thương thẩm định tham mưu cho UBND tỉnh cân đối bố trí lồng ghép kinh phí của các chương trình dự án có liên quan để tổ chức các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trong dự toán kinh phí hàng năm của các cơ quan, đơn vị đảm bảo thực hiện mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

3. Sở Nội Vụ

Phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống cơ quan nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan trong các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; chủ trì kiểm tra chuyên ngành và triển khai các hoạt

động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước; khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân triển khai các nội dung trong công tác hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và truy xuất nguồn gốc; Triển khai chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp; tuyên truyền, hướng dẫn việc trang bị, sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường tại chợ, trung tâm thương mại.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục Đại học, giáo dục chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh

Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức thực hiện tuyên truyền, giáo dục về quyền lợi cho nhóm người tiêu dùng là học sinh, sinh viên trong các trường trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo các trường học lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào các hoạt động giáo dục cho đối tượng học sinh, sinh viên.

6. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc lĩnh vực y tế, an toàn thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, kinh doanh thực phẩm chức năng, dịch vụ tư vấn chăm sóc sức khỏe và trang thiết bị y tế.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc lĩnh vực nông nghiệp như: Giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vật tư nông nghiệp, chất cấm dùng trong chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của ngành; tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp để bảo vệ người tiêu dùng.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động tuyên truyền thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng bền vững; tuyên truyền nâng cao nhận thức của người tiêu dùng trong việc lựa chọn, sử dụng các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thân thiện môi trường hướng đến kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Hướng dẫn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, quy trình VietGap, GlobalGap và các tiêu chuẩn khác tương đương nhằm sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp an toàn, có năng suất, chất lượng đảm bảo sức cạnh tranh trên thị trường.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương trong việc thực hiện các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, trong đó có việc nâng cao chất lượng dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường theo dõi, giám sát, triển khai các hoạt động kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành trong lĩnh vực quảng cáo, báo chí, xuất bản,... đối với tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý.

9. Thanh tra tỉnh

Thực hiện thanh tra theo thẩm quyền hoặc thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tiếp nhận, xác minh, giải quyết các phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người tiêu dùng liên quan đến hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

10. Tòa án nhân dân tỉnh

Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng các quy định về giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng, đặc biệt là áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; giải quyết, xét xử các vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vì lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

11. Công an tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của ngành.

Thường xuyên nắm thông tin, kịp thời phát hiện, điều tra, xác minh, xử lý các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

Chỉ đạo Công an cấp xã làm đầu mối, thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp trong việc giám sát, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, lĩnh vực kinh doanh theo phương thức đa cấp của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn.

Phối hợp với Sở Công Thương, Báo và Phát thanh truyền hình Sơn La, các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cảnh báo các hành vi, thủ đoạn lừa đảo, đa cấp trá hình, xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, đặc biệt là người tiêu dùng yếu thế dễ bị tổn thương (*trẻ em, người già, phụ nữ, người tiêu dùng ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa...*).

12. Thuế tỉnh Sơn La

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc lĩnh vực liên quan đến thuế.

Phối hợp cung cấp dữ liệu thông tin về các văn phòng đại diện/chi nhánh của doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người nộp thuế; tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế của Nhà nước; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế theo quy định của pháp luật; xử lý vi phạm hành chính về thuế, lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thuế.

13. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền vận động quần chúng tích cực tố giác các hoạt động vận chuyển hàng cấm, hàng giả, hàng kém chất lượng trái phép qua biên giới, không tiếp tay cho các hành vi vi phạm pháp luật.

Chỉ đạo các đơn vị trên các tuyến biên giới phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, bắt giữ, xử lý các vụ việc liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng cấm, hàng giả, hàng kém chất lượng, trái phép qua biên giới.

14. Chi cục Quản lý thị trường

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng theo quy định pháp luật; các hành vi vi phạm của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Triển khai công tác kiểm tra chuyên ngành, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như: thương mại điện tử, thực phẩm, dược phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu.

- Tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt thông qua các đợt cao điểm kiểm tra thị trường, hội chợ, sự kiện truyền thông, nhằm nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

15. Báo và Phát thanh truyền hình Sơn La

Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La. Xây dựng các chuyên đề, chuyên mục, bài viết để tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật và các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tăng cường tuyên truyền trong tháng cao điểm hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam 15 tháng 3”. Phản ánh kịp thời, chính xác, khách quan về các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và hình thức xử lý của cơ quan có thẩm quyền để người tiêu dùng biết.

16. Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh khu vực III

Tăng cường giám sát hoạt động, bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng trong cung cấp dịch vụ của các tổ chức tín dụng thuộc phạm vi quản lý.

Tăng cường giáo dục tài chính, nâng cao kỹ năng tiêu dùng tài chính và cảnh báo rủi ro trong lĩnh vực tài chính cho người tiêu dùng.

17. Hội Bảo vệ người tiêu dùng tỉnh

Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tổ chức các hoạt động truyền thông, tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

Tham gia tư vấn, hỗ trợ, tiếp nhận và giải quyết yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước để kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn.

Tham gia vào các hoạt động kiểm tra, khảo sát thị trường, cảnh báo sản phẩm, dịch vụ có nguy cơ gây thiệt hại cho người tiêu dùng, đặc biệt trong các lĩnh vực như thương mại điện tử, hàng hóa tiêu dùng nhanh, sản phẩm an toàn thực phẩm.

Phát triển mạng lưới tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đến cấp xã; nâng cao năng lực hoạt động của Hội Bảo vệ người tiêu dùng tỉnh.

Phối hợp tổ chức các chương trình, hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” (15/3) và các sự kiện liên quan đến tiêu dùng xanh, tiêu dùng bền vững, chuyển đổi số trong tiêu dùng.

Định kỳ báo cáo tình hình triển khai công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cho Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

18. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn quản lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, đặc biệt tập trung tại khu dân cư, chợ truyền thống, siêu thị, cửa hàng, trường học, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Phối hợp trong công tác kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, phát hiện các hành vi lợi dụng thương mại điện tử, khuyến mại, bán hàng đa cấp để vi phạm quyền lợi người tiêu dùng tại địa bàn.

- Định kỳ báo cáo tình hình triển khai công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương cho Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

19. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tích cực phối hợp và tham gia vào công tác tuyên truyền về pháp luật, các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phát động các phong trào nhằm khuyến khích, động viên toàn xã hội tham gia vào công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, lồng ghép với giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

Giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, tổ chức, cá nhân kinh doanh; phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án của cơ quan nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ban, ngành tỉnh; Toà án nhân dân tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Thuế tỉnh; Chi cục Quản lý thị trường; Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh; Báo và Phát thanh truyền hình Sơn La; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các xã, phường chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả về Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 12 (*thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến thời điểm báo cáo*) để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương và UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La, đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh; Toà án nhân dân tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Thuế tỉnh; Chi cục Quản lý thị trường; Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh; Báo và Phát thanh truyền hình Sơn La; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các xã, phường triển khai thực hiện./

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1134 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Tờ diễn dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 130/TTr-SKHCHN ngày 11 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung
và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Sơn La**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1134/QĐ-UBND
ngày 13/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc quản lý, vận hành và khai thác Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Sơn La.
2. Quy định này không áp dụng đối với việc quản lý, vận hành và khai thác dữ liệu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành và các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND xã, phường; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh *(sau đây viết tắt là các cơ quan, đơn vị)* và các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Sơn La.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La *(sau đây gọi tắt là “Kho dữ liệu dùng chung”)*: Là nền tảng tổng hợp, tích hợp, lưu trữ và xử lý dữ liệu tập trung; được tích hợp dữ liệu số từ nhiều nguồn khác nhau của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La; có địa chỉ truy cập là: <https://khodulieu.sonla.gov.vn>; là cơ sở để hình thành dữ liệu dùng chung trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp và các dữ liệu về kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
2. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Sơn La *(sau đây gọi tắt là IOC Sơn La)*: Là hệ thống thông tin có chức năng kết nối, tích hợp dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung, và xử lý, tổng hợp, phân tích dữ liệu đưa ra kết quả phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền và các cơ quan, đơn vị; có địa chỉ truy cập là: <https://ioc.sonla.gov.vn>
3. Cơ quan chủ quản của Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La: UBND tỉnh Sơn La.
4. Cơ quan quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La.

5. Chủ sở hữu dữ liệu là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền quyết định việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng và trao đổi giá trị của dữ liệu do mình sở hữu.

6. Chủ quản dữ liệu là cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu dữ liệu.

7. Dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La trong phạm vi của quy định này là dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 2 của Quy định này.

8. Dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La là tập hợp thông tin về một hoặc một số lĩnh vực quản lý nhất định của các cơ quan, tổ chức được số hóa, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

9. API (*viết tắt của từ: Application Programming Interface*) là giao diện lập trình ứng dụng, cho phép các hệ thống thông tin kết nối, trao đổi và chia sẻ dữ liệu tự động theo các quy tắc, tiêu chuẩn kỹ thuật.

10. Các thuật ngữ chưa được giải thích trong Quy định này được hiểu theo quy định của Luật Dữ liệu và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý, vận hành và khai thác Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La phải phù hợp với mô hình chính quyền số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

2. Việc quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La phải tuân thủ các quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Kho dữ liệu dùng chung phải có đầy đủ các dữ liệu cần thiết theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống” để phục vụ cho hoạt động giám sát, điều hành trực tuyến và dựa trên dữ liệu của Lãnh đạo tỉnh thông qua IOC Sơn La và cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp thông qua Công dữ liệu mở tỉnh.

4. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp đưa ra các yêu cầu, bài toán cụ thể để giải quyết thông qua IOC Sơn La thay cho các hình thức báo cáo bằng giấy.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH

Điều 5. Cung cấp, tần suất, quy trình cập nhật, kiểm soát và quản lý chất lượng dữ liệu trên Kho dữ liệu dùng chung

1. Nguyên tắc cung cấp, cập nhật dữ liệu

a) Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào Kho dữ liệu dùng chung theo danh mục dữ liệu, chỉ tiêu dữ liệu được UBND tỉnh giao;

b) Dữ liệu được cập nhật phải bảo đảm thống nhất về cấu trúc, định dạng, mã định danh và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;

c) Cách thức cung cấp, cập nhật dữ liệu:

- Dữ liệu đã được quản lý bởi các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị: Kết nối, tích hợp dữ liệu tự động thông qua API từ các hệ thống, phần mềm, cơ sở dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung.

- Dữ liệu chưa được quản lý bởi các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Cập nhật thủ công thông qua biểu mẫu điện tử hoặc tệp dữ liệu (XLS, XLSX, CSV, XML) lên hệ thống Kho dữ liệu dùng chung.

d) Dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị là tài sản nhà nước; việc cung cấp, cập nhật, khai thác phải tuân thủ quy định pháp luật về dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước và an ninh mạng.

e) Công an tỉnh bảo đảm, giám sát và hướng dẫn trong việc tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu, an ninh dữ liệu trong quá trình cập nhật, chia sẻ dữ liệu.

2. Quy trình, tần suất cập nhật dữ liệu tại các cơ quan, đơn vị

a) Quy trình cập nhật dữ liệu

- Đối với dữ liệu được kết nối, tích hợp: Tự động cập nhật theo thời gian thực thông qua API từ các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Kho.

- Đối với dữ liệu cập nhật thủ công: các cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật dữ liệu lên Kho dữ liệu dùng chung bằng tài khoản được cấp theo quy trình:

+ Bước 1: Đầu mối được giao phụ trách về dữ liệu tại các cơ quan, đơn vị tổng hợp, chuẩn bị dữ liệu và thực hiện nhập liệu dữ liệu lên Kho dữ liệu dùng chung

+ Bước 2: Lãnh đạo cơ quan phụ trách về dữ liệu tại cơ quan, đơn vị thẩm định dữ liệu thuộc phạm vi quản lý bảo đảm chất lượng dữ liệu đúng, đủ, sạch.

+ Bước 3: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt dữ liệu để cập nhật vào Kho dữ liệu dùng chung

b) Tần suất cập nhật

- Đối với dữ liệu có tần suất cập nhật định kỳ:

+ Dữ liệu cập nhật hàng ngày: trước 17h00' hàng ngày

+ Dữ liệu cập nhật hàng tháng: trước 17h00' ngày 25 hàng tháng

+ Dữ liệu cập nhật hàng quý: trước 17h00' ngày 25 của tháng cuối quý

+ Dữ liệu cập nhật hàng năm: trước 17h00' ngày 25 tháng 11 hàng năm

Trường hợp khi dữ liệu có sự thay đổi trước thời điểm định kỳ cập nhật (*tháng, quý, năm*), các cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật dữ liệu mới trong vòng 24 giờ đồng hồ kể từ khi dữ liệu thay đổi.

- Đối với dữ liệu có tần suất cập nhật khi có thay đổi: Trong vòng 24 giờ đồng hồ kể từ khi dữ liệu đã được thay đổi, phát sinh.

Tần suất cập nhật của từng loại dữ liệu kèm theo tại các Phụ lục của Quy định này và các quyết định ban hành danh mục dữ liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đối với dữ liệu phát sinh theo yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành: Thực hiện cập nhật theo yêu cầu của UBND tỉnh hoặc cơ quan chủ trì.

3. Kiểm soát dữ liệu

a) Các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm soát và chịu trách nhiệm về dữ liệu của cơ quan mình bảo đảm tính chính xác, kịp thời của dữ liệu theo quy trình, tần suất quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ, vận hành Kho dữ liệu dùng chung có trách nhiệm kiểm tra cấu trúc dữ liệu, định dạng dữ liệu, tính hợp lệ kỹ thuật và cảnh báo các sai sót trong quá trình cập nhật trước khi cập nhật vào Kho:

Trường hợp dữ liệu bảo đảm hợp lệ về kỹ thuật: thực hiện đồng bộ, hoàn tất quy trình để dữ liệu được đưa vào Kho dữ liệu dùng chung.

Trường hợp dữ liệu chưa bảo đảm: xin ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp với chủ quản dữ liệu thực hiện chuẩn hóa lại dữ liệu.

c) Dữ liệu sau khi được cập nhật và kiểm tra hợp lệ được lưu trữ trong Kho dữ liệu dùng chung và sẵn sàng phục vụ khai thác, sử dụng theo quy định;

d) Toàn bộ quá trình đồng bộ dữ liệu, cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu được hệ thống ghi nhận để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và truy vết khi cần thiết.

4. Trách nhiệm về quản lý chất lượng dữ liệu

a) Chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm toàn diện về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu do đơn vị cung cấp; thường xuyên rà soát lại dữ liệu đã cung cấp, cập nhật trên Kho dữ liệu dùng chung để kịp thời có ý kiến phản hồi trên hệ thống, bảo đảm tính chính xác của dữ liệu.

b) Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc vận hành Kho dữ liệu dùng chung; thực hiện kiểm tra, giám sát việc cập nhật dữ liệu, phát hiện, cảnh báo và yêu cầu các cơ quan, đơn vị khắc phục đối với dữ liệu không bảo đảm chất lượng.

c) Dữ liệu không được cập nhật đúng thời hạn hoặc không bảo đảm chất lượng được ghi nhận phục vụ đánh giá mức độ chuyển đổi số và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

d) Nghiêm cấm việc cung cấp, cập nhật dữ liệu sai lệch, không đúng thực tế, không đúng thẩm quyền hoặc không đúng mục đích.

5. Phân công trách nhiệm trong cung cấp, cập nhật dữ liệu

a) Các cơ quan, đơn vị là chủ quản dữ liệu, chịu trách nhiệm cung cấp, cập nhật và bảo đảm chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý;

b) Công an tỉnh chủ trì hướng dẫn việc thực thi quy định về bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu, an ninh thông tin mạng trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong vận hành Kho dữ liệu dùng chung.

d) Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện theo phân công, bảo đảm dữ liệu được cung cấp, cập nhật và khai thác hiệu quả.

Điều 6. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung dưới dạng giao diện lập trình ứng dụng (API) được thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh; bảo đảm quy trình gửi, nhận, kết nối, xác thực liên thông theo quy định.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung dưới dạng dữ liệu rời rạc thông qua các tệp tin có định dạng XLS hoặc XLSX, CSV, XML được thực hiện theo hình thức kết nối/chia sẻ (Import/Export) dữ liệu thông qua các file mẫu.

3. Việc kết nối, lưu trữ file, Đính kèm file (Attach file) được thực hiện với các định dạng file: *.doc, *.docx, *.xls, *.xlsx, *.csv, *.pptx, *.pdf, *.tif, *.jpg, *.jpeg, *.bmp, *.png, *.gif, *.txt, *.mp3, *.wav, *.mp4, *.avi, *.zip, *.rar.

4. Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung phải có văn bản đề nghị và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan, đơn vị chủ quản, sở hữu dữ liệu và đơn vị được giao quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung.

5. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an ninh thông tin mạng khi kết nối, chia sẻ trong Kho dữ liệu dùng chung phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật hiện hành về an ninh mạng.

6. Dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và dữ liệu ngành được kết nối về Kho dữ liệu dùng chung phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, chính xác; được cập nhật theo quy định tại Điều 5 Quy định này và phải kèm theo tài liệu mô tả chi tiết; được chuẩn hóa theo đúng các yêu cầu của các bộ, ngành Trung ương (nếu có) để có thể sẵn sàng kết nối vào các cơ sở dữ liệu cấp Quốc gia khi có yêu cầu.

Điều 7. Xây dựng các kịch bản điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu tích hợp trên IOC Sơn La

1. Kịch bản điều hành kinh tế - xã hội

Cho phép lãnh đạo tỉnh nhanh chóng giám sát, nắm bắt tình hình và điều hành hiệu quả trên môi trường số thông qua việc phân tích các chỉ số kinh tế - xã hội theo các chỉ tiêu, dữ liệu được cập nhật chính xác theo từng thời kỳ. Đồng thời, xây dựng các phương thức tương tác ở ba cấp độ: định kỳ, đột xuất và theo yêu cầu.

2. Kịch bản điều hành theo ngành, lĩnh vực

Được xây dựng căn cứ trên các chỉ tiêu quản lý nhà nước của từng ngành, lĩnh vực; ưu tiên các lĩnh vực có tác động lớn, trực tiếp đến người dân (*y tế, giáo dục, giao thông, môi trường, an ninh trật tự, an sinh xã hội*).

3. Kịch bản điều hành theo chuyên đề

Được xây dựng theo chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh.

4. Kịch bản điều hành tức thời

Áp dụng cho các trường hợp khẩn cấp cần xử lý ngay (*thiên tai, dịch bệnh, sự cố môi trường, hỏa hoạn, cứu nạn cứu hộ, ...*).

Điều 8. Khai thác dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La

1. Dữ liệu được cung cấp trên Kho dữ liệu dùng chung bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống” và là dòng chảy dữ liệu thông suốt cho hoạt động của IOC Sơn La và Cổng dữ liệu mở.

2. Các cơ quan, đơn vị được cấp tài khoản và phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình trong Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La phục vụ mục đích:

- a) Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- b) Phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.
- c) Phục vụ công tác chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh.
- d) Phục vụ công khai, chia sẻ dữ liệu cho tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.
- đ) Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ quan, đơn vị trong Kho dữ liệu phục vụ mục đích ngoài phạm vi được phân quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này, phải có văn bản và được sự đồng ý của cơ quan, đơn vị sở hữu dữ liệu, đơn vị được giao quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung và Chủ quản dữ liệu.

4. Trường hợp các cơ quan, đơn vị khai thác dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung có liên quan đến bên thứ ba là các tổ chức, cá nhân thì các cơ quan, đơn vị phải thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, đồng thời bên thứ ba phải thực hiện các cam kết, thỏa thuận về khai thác dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung.

5. Không được sử dụng dữ liệu sai mục đích; không được lợi dụng việc khai thác, sử dụng dữ liệu để gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Quản lý, vận hành, duy trì hoạt động Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La

1. Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La phải được bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, an ninh mạng để phục vụ quản lý, vận hành, duy trì hoạt động ổn định, thông suốt.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tạo, lập, phân quyền tài khoản trên Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La; triển khai cấp, khóa, xóa bỏ tài khoản truy cập của các tổ chức, cá nhân chỉ khi có văn bản đề nghị hoặc yêu cầu của cơ quan chủ quản, quản lý.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ, dữ liệu của Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La phải tuân thủ các quy định chung về bảo đảm an ninh thông tin mạng và chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trên tài khoản truy cập của mình

4. Thực hiện lưu trữ nhật ký chia sẻ dữ liệu, tạm ngừng hoặc chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu và giải quyết vướng mắc trong kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 10. Bảo đảm an ninh mạng cho Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh mạng theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La phải được giám sát bởi cơ quan, đơn vị được giao quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung thông qua công cụ quản lý, giám sát phù hợp.

3. Kho dữ liệu dùng chung, IOC Sơn La phải được xác định, phân loại và phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin phù hợp theo quy định và phải được triển khai đầy đủ các biện pháp bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt.

4. Các hệ thống thông tin kết nối với Kho dữ liệu dùng chung phải được phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin và phải được triển khai đầy đủ các biện pháp bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ giám sát, kiểm tra đơn vị cung cấp dịch vụ Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La thực hiện đầy đủ trách nhiệm của đơn vị vận hành hệ thống thông tin theo quy định về bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Chủ quản dữ liệu

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về việc cung cấp, kiểm tra, rà soát, đánh giá chất lượng dữ liệu và các kịch bản điều hành thuộc phạm vi quản lý.

2. Phân công 01 lãnh đạo cơ quan, 01 công chức làm đầu mối tham gia Tổ công tác vận hành Kho dữ liệu dùng chung để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý, chia sẻ dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý; kịp thời có thông báo, cập nhật đầu mối về Bộ phận giúp việc của Tổ công tác khi có thay đổi.

3. Tạo lập, duy trì, cung cấp, cập nhật dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý phục vụ mục đích theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này vào Kho dữ liệu dùng chung, bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

4. Cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu thuộc quyền quản lý vào Kho dữ liệu dùng chung. Chủ trì tiếp nhận, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xử lý các yêu cầu chia sẻ dữ liệu từ Bộ, ngành, địa phương khác liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

5. Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý phục vụ mục đích quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này; bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung, thông qua API theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

6. Chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung; không thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu nếu đã được chia sẻ từ Kho dữ liệu dùng chung, trừ trường hợp dữ liệu sẵn có không bảo đảm luật có quy định khác.

7. Quản lý tài khoản khai thác, sử dụng Kho dữ liệu dùng chung được cấp, kịp thời có văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ khi có thay đổi; thực hiện quy định bảo đảm an ninh mạng cho Kho dữ liệu dùng chung theo quy định tại Điều 10 Quy định này và các quy định pháp luật. Thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

8. Cử cán bộ liên quan thuộc quyền quản lý tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng phục vụ quản lý, quản trị, vận hành và khai thác Kho dữ liệu dùng chung do Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chuyên trách của Bộ, ngành Trung ương tổ chức.

9. Tổ chức tự kiểm tra, đánh giá dữ liệu thuộc quyền quản lý theo các nội dung quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP; xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu;

10. Lập kế hoạch và sử dụng kinh phí, từ ngân sách nhà nước hàng năm để tạo lập, thu thập, xử lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và kịp thời để cập nhật vào Kho dữ liệu.

11. Thực hiện báo cáo định kỳ việc quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La theo các nội dung cụ thể sau:

a) Tên báo cáo, nội dung báo cáo, mẫu đề cương báo cáo chi tiết theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Đối tượng thực hiện báo cáo: Chủ sở hữu dữ liệu (Chủ quản dữ liệu).

c) Cơ quan nhận báo cáo: Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Tần suất thực hiện báo cáo: 01 quý/01 lần.

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 25 của tháng cuối quý.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Thực hiện trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành, duy trì hoạt động Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm điều phối, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật các cơ quan, đơn vị trong quản lý, vận hành và khai thác dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La.

3. Chủ trì tổ chức theo dõi, giám sát về mặt kỹ thuật đối với việc kết nối, cập nhật dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung; Tổng hợp, báo cáo và đề xuất các giải pháp kỹ thuật, công nghệ; phương án nâng cấp hạ tầng, thiết bị, phần mềm nhằm bảo đảm việc triển khai, vận hành Kho dữ liệu dùng chung hiệu quả, ổn định, tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

4. Phối hợp với Công an tỉnh trong kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, an ninh thông tin mạng, an ninh dữ liệu.

5. Chủ trì tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng phục vụ quản lý, vận hành và khai thác Kho dữ liệu dùng chung, IOC Sơn La và kiến thức phát triển dữ liệu cho các cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Định kỳ, tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung, IOC Sơn La về UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về dữ liệu tỉnh theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì hướng dẫn thực hiện quy định về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình kết nối, chia sẻ, cập nhật và khai thác dữ liệu liên quan tới Kho dữ liệu dùng chung.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về an ninh mạng; phát hiện, cảnh báo và yêu cầu khắc phục các nguy cơ mất an ninh dữ liệu của Kho dữ liệu dùng chung.

3. Chủ trì, phối hợp hướng dẫn triển khai biện pháp bảo đảm an ninh mạng cho Kho dữ liệu dùng chung; giám sát, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng, rò rỉ, mất mát dữ liệu của Kho dữ liệu dùng chung.

4. Chủ trì công tác ứng phó, xử lý sự cố an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí hàng năm cho các cơ quan, đơn vị triển khai các nhiệm vụ xây dựng duy trì CSDL chuyên ngành, các nhiệm vụ tích hợp, quản lý, vận hành và khai thác liên quan đến Kho dữ liệu dùng chung theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung, IOC Sơn La

1. Thực hiện việc khai thác dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung, IOC Sơn La theo quy định tại Điều 7 Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Phối hợp bảo đảm an ninh mạng cho Kho dữ liệu dùng chung, IOC Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Nghiêm cấm việc sao chép, trích xuất dữ liệu vượt quá phạm vi được phân quyền khai thác; mọi hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Đối với UBND cấp xã, phường: chủ động phối hợp, đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý, khai thác sử dụng dữ liệu dùng chung của tỉnh từ Kho dữ liệu dùng chung để phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp chuyên môn của UBND cấp xã theo thẩm quyền quy định.

Điều 16. Đơn vị cung cấp dịch vụ, hạ tầng cho Kho dữ liệu dùng chung, IOC Sơn La

1. Cung cấp hệ thống hạ tầng máy chủ, lưu trữ dữ liệu, đường truyền, các biện pháp giám sát, thiết bị bảo mật theo phương án bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ 3 đối với Kho dữ liệu dùng chung và IOC Sơn La.

2. Bảo đảm việc kết nối, liên thông, tích hợp với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác để cập nhật dữ liệu thường xuyên, liên tục.

3. Thực hiện bảo đảm các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ; tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ về ứng dụng công nghệ thông tin trong mỗi bộ, ngành, tỉnh, thành phố và trên toàn quốc; bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh mạng, cơ yếu và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Vận hành, quản trị kỹ thuật Kho dữ liệu dùng chung, IOC Sơn La, bảo đảm an ninh mạng và hoạt động ổn định 24/24 giờ trên mạng Internet; bố trí nguồn lực hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình vận hành, sử dụng (khi có yêu cầu); kịp thời khắc phục, xử lý hệ thống khi có sự cố.

5. Thực hiện bảo mật và lưu giữ thông tin của tổ chức, cá nhân trừ trường hợp phải cung cấp thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý, tạo tài khoản, khôi phục mật khẩu cho các tổ chức, cá nhân sử dụng Kho dữ liệu dùng chung.

7. Định kỳ thực hiện báo cáo kết quả vận hành Kho dữ liệu dùng chung (về hạ tầng kỹ thuật, độ ổn định của hệ thống, công tác bảo đảm an ninh mạng, kết quả phối hợp, đánh giá chất lượng hệ thống, các đề xuất phát triển, nâng cấp hệ thống...) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

CƠ QUAN BÁO CÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC- Sơn La, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Tổng hợp tình hình quản lý, vận hành
và khai thác Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La

I. THÔNG TIN CÁN BỘ QUẢN LÝ DỮ LIỆU

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Thông tin cán bộ quản lý dữ liệu				Là cán bộ chuyên trách CNTT	
		Họ tên	Chức vụ	Đơn vị/ phòng/ ban	Điện thoại liên hệ	Có	Không
1	(Tên CSDL)	(Ghi họ tên cán bộ đầu mối được giao quản lý dữ liệu)					
...							

II. THÔNG TIN CẬP NHẬT, KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU KHO DỮ LIỆU DÙNG CHUNG

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Có đặc tả API chia sẻ sử dụng		Có chia sẻ sử dụng		Dữ liệu cập nhật đến ngày báo cáo		Xây dựng mới	
		Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không
I	CSDL kết nối về Kho dữ liệu dùng chung								
1	(Tên CSDL)								
...									
II	CSDL chia sẻ cho cơ quan khác sử dụng								
1	(Tên CSDL)								
.....									
III	Nhu cầu triển khai CSDL mới								

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Có đặc tả API chia sẻ sử dụng		Có chia sẻ sử dụng		Dữ liệu cập nhật đến ngày báo cáo		Xây dựng mới	
		Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không
1	(Tên CSDL)								
...									
IV	Vướng mắc, đề nghị								

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II
DANH MỤC DỮ LIỆU VÀ MỨC ĐỘ, TẦN SUẤT CẬP NHẬT

1. Dữ liệu cập nhật hàng ngày

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
1	Công báo điện tử tỉnh Sơn La, Công báo xếp số có chữ ký điện tử	Văn phòng UBND tỉnh
2	Dữ liệu tin bài Cổng Thông tin điện tử	Văn phòng UBND tỉnh
3	Dữ liệu khai sinh	Tư pháp
4	Đăng ký kết hôn	Tư pháp
5	Đăng ký khai tử	Tư pháp
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Tư pháp
7	Đăng ký giám hộ	Tư pháp
8	Đăng ký giám sát giám hộ	Tư pháp
9	Đăng ký nhận nuôi con nuôi	Tư pháp
10	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Tư pháp
11	Đăng ký thay đổi/bổ sung/cải chính	Tư pháp

2. Dữ liệu cập nhật hàng tháng

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
1	Dữ liệu về Quyết định thanh tra của cuộc thanh tra	Thanh tra
2	Dữ liệu về Quyết định giám sát Đoàn thanh tra	Thanh tra
3	Dữ liệu tổng hợp kết quả công tác thanh tra hằng năm	Thanh tra
4	Dữ liệu thống kê y tế (<i>dữ liệu nhân lực y tế, Sức khỏe sinh sản, Dinh dưỡng, Bệnh không lây nhiễm</i>)	Y tế
5	Dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng;	Xây dựng
6	Công trình xây dựng yêu cầu thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng	Xây dựng
7	Dữ liệu về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng	Xây dựng
8	Dữ liệu Công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng	Xây dựng
9	Dữ liệu về phát triển đô thị	Xây dựng
10	Dữ liệu chứng thư số chuyên dùng công vụ	Khoa học và công nghệ

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
11	Cơ sở dữ liệu về kiểm tra nhà nước về phương tiện đo	Khoa học và công nghệ
12	Cơ sở dữ liệu về kiểm tra nhà nước về phép đo	Khoa học và công nghệ
13	Cơ sở dữ liệu về kiểm tra nhà nước về hàng đóng gói sẵn	Khoa học và công nghệ
14	Dữ liệu về số phương tiện đo, chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Khoa học và công nghệ
15	Dữ liệu kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Khoa học và công nghệ
16	Dữ liệu về thông tin giá cả thị trường định kỳ	Tài chính
17	Dữ liệu báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dân tộc và Tôn giáo
18	Dữ liệu về xóa nhà tạm, nhà dột nát	Dân tộc và Tôn giáo
19	Dữ liệu về người đang công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh đi nước ngoài	Ngoại vụ

3. Dữ liệu cập nhật hàng quý

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
1	Dữ liệu tiếp công dân hằng năm	Thanh tra
2	Dữ liệu xử lý đơn hằng năm	Thanh tra
3	Dữ liệu giải quyết khiếu nại hằng năm	Thanh tra
4	Dữ liệu giải quyết tố cáo hằng năm	Thanh tra
5	Dữ liệu về quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra
6	Dữ liệu về phát hiện, khắc phục các văn bản còn sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra
7	CSDL về dân số, Kế hoạch hóa gia đình	Y tế
8	Dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản	Xây dựng
9	Dữ liệu Doanh nghiệp viễn thông, Bưu chính	Khoa học và công nghệ
10	Dữ liệu trạm BTS	Khoa học và công nghệ
11	Dữ liệu thuê bao Cố định trên địa bàn tỉnh	Khoa học và công nghệ
12	Dữ liệu thuê bao Di động trên địa bàn tỉnh	Khoa học và công nghệ
13	Dữ liệu hiện trạng hạ tầng băng rộng cố định	Khoa học và công nghệ
14	Dữ liệu điểm phục vụ bưu chính	Khoa học và công nghệ

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
15	Dữ liệu hệ thống thông tin, CSDL, nền tảng dùng chung, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh	Khoa học và công nghệ
16	Dữ liệu mã định danh các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Khoa học và công nghệ
17	Dữ liệu hạ tầng công nghệ thông tin	Khoa học và công nghệ
18	Dữ liệu về thi đua khen thưởng	Nội vụ
19	Dữ liệu thực hiện Dự toán thu NSNN	Tài chính
20	Dữ liệu thực hiện dự toán chi Ngân sách tỉnh; xã	Tài chính
21	Dữ liệu Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách	Tài chính
22	CSDL Doanh nghiệp du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
23	CSDL Thông tin xúc tiến quảng bá du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
24	CSDL Thống kê du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
25	Dữ liệu danh sách Trang thông tin điện tử tổng hợp được cấp phép	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
26	Dữ liệu điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Văn hóa, Thể thao và Du lịch

4. Dữ liệu cập nhật hàng năm

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
1	Dữ liệu Kế hoạch thanh tra hằng năm	Thanh tra
2	Dữ liệu về các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản thu nhập của Thanh tra tỉnh	Thanh tra
3	Dữ liệu về cá nhân kê khai tài sản thu nhập thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản thu nhập của Thanh tra tỉnh	Thanh tra
4	Dữ liệu kết quả hoạt động khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ
5	Dữ liệu tham gia hoạt động khoa học công nghệ	Khoa học và công nghệ
6	Dữ liệu doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo	Khoa học và công nghệ
7	Dữ liệu chuyên gia, cố vấn đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo	Khoa học và công nghệ
8	Dữ liệu nhân lực nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh	Khoa học và công nghệ
9	Dữ liệu chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Khoa học và công nghệ
10	Dữ liệu hợp tác ứng dụng, nghiên cứu khoa học, công nghệ	Khoa học và công nghệ
11	Dữ liệu tỷ lệ doanh nghiệp có đổi mới sáng tạo	Khoa học và công nghệ
12	Dữ liệu xếp loại mức độ chuyển đổi số cấp sở/xã	Khoa học và công nghệ

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
13	Dữ liệu chấm điểm theo bộ chỉ số của các đơn vị	Khoa học và công nghệ
14	Dữ liệu tổng hợp về Trồng trọt	Nông nghiệp và Môi trường
15	Dữ liệu tổng hợp về Chăn nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
16	Dữ liệu tổng hợp về Lâm nghiệp	Nông nghiệp và Môi trường
17	Dữ liệu tổng hợp về Thủy sản	Nông nghiệp và Môi trường
18	Dữ liệu tổng hợp về Thủy lợi	Nông nghiệp và Môi trường
19	Dữ liệu tổng hợp về Sản phẩm OCOP	Nông nghiệp và Môi trường
20	Dữ liệu tổng hợp về Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Nông nghiệp và Môi trường
21	Dữ liệu Lô rừng, khoảnh, tiểu khu	Nông nghiệp và Môi trường
22	Dữ liệu Ranh giới rừng	Nông nghiệp và Môi trường
23	Dữ liệu Mốc giới rừng	Nông nghiệp và Môi trường
24	Dữ liệu Điểm cơ sở hạ tầng lâm sinh	Nông nghiệp và Môi trường
25	Dữ liệu Lịch sử lô rừng	Nông nghiệp và Môi trường
26	Dữ liệu diễn biến rừng	Nông nghiệp và Môi trường
27	Dữ liệu về xử lý vi phạm	Nông nghiệp và Môi trường
28	<i>Dữ liệu về vi phạm lâm nghiệp</i>	Nông nghiệp và Môi trường
29	Dữ liệu Giống, loài vật nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
30	Dữ liệu về đặc điểm di truyền	Nông nghiệp và Môi trường
31	Dữ liệu về chỉ số sinh trưởng	Nông nghiệp và Môi trường
32	Dữ liệu về năng xuất sản phẩm	Nông nghiệp và Môi trường
33	Dữ liệu về sản xuất giống vật nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
34	Dữ liệu giấy phép	Nông nghiệp và Môi trường
35	Dữ liệu gen giống vật nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
36	Dữ liệu thức ăn chăn nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
37	Dữ liệu môi trường chăn nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
38	Dữ liệu về quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường lĩnh vực chăn nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
39	Dữ liệu cơ sở chăn nuôi và chế biến sản phẩm chăn nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
40	Dữ liệu thị trường sản phẩm chăn nuôi	Nông nghiệp và Môi trường
41	Dữ liệu về công trình thủy lợi	Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
42	Dữ liệu hồ chứa	Nông nghiệp và Môi trường
43	Dữ liệu dự án đầu tư thủy lợi	Nông nghiệp và Môi trường
44	<i>Dữ liệu về quy hoạch và kế hoạch thủy lợi</i>	Nông nghiệp và Môi trường
45	Dữ liệu về vận hành và tưới tiêu	Nông nghiệp và Môi trường
46	Dữ liệu diện tích tưới	Nông nghiệp và Môi trường
47	Dữ liệu về an toàn đập, hồ chứa	Nông nghiệp và Môi trường
48	<i>Dữ liệu về chất lượng nước</i>	Nông nghiệp và Môi trường
49	Dữ liệu Nguồn thải	Nông nghiệp và Môi trường
50	Dữ liệu về làng nghề	Nông nghiệp và Môi trường
51	Dữ liệu về cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ	Nông nghiệp và Môi trường
52	Dữ liệu hỗ trợ thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	Nông nghiệp và Môi trường
53	Dữ liệu Chất lượng môi trường	Nông nghiệp và Môi trường
54	Dữ liệu hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp	Nông nghiệp và Môi trường
55	Dữ liệu Liên kết sản xuất	Nông nghiệp và Môi trường
56	Dữ liệu Trang trại	Nông nghiệp và Môi trường
57	Dữ liệu Đào tạo nghề nông nghiệp	Nông nghiệp và Môi trường
58	Dữ liệu cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản;	Nông nghiệp và Môi trường
59	Dữ liệu chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Nông nghiệp và Môi trường
60	Dữ liệu chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Nông nghiệp và Môi trường
61	Dữ liệu viễn thám quốc gia	Nông nghiệp và Môi trường
62	Dữ liệu bản đồ số tỉnh Sơn La	Nông nghiệp và Môi trường
63	Dữ liệu nền địa lý quốc gia	Nông nghiệp và Môi trường
64	Dữ liệu khoáng sản	Nông nghiệp và Môi trường
65	Dữ liệu về tài nguyên nước	Nông nghiệp và Môi trường
66	Dữ liệu về khí tượng thủy văn	Nông nghiệp và Môi trường
67	Dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo	Nông nghiệp và Môi trường
68	Dữ liệu về trồng trọt và bảo vệ thực vật	Nông nghiệp và Môi trường
69	Dữ liệu về thủy sản	Nông nghiệp và Môi trường
70	Dữ liệu về phòng chống thiên tai	Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
71	Dữ liệu về Dự toán thu NSNN	Tài chính
72	Dữ liệu dự toán chi Ngân sách tỉnh; xã	Tài chính
73	Dữ liệu Quyết toán thu NSNN	Tài chính
74	Dữ liệu Quyết toán chi NSDP	Tài chính
75	Dữ liệu Công khai Dự toán trình HĐND	Tài chính
76	Dữ liệu Công khai Dự toán được HĐND Quyết định	Tài chính
77	Dữ liệu Công khai Quyết toán ngân sách	Tài chính
78	Dữ liệu mua sắm tài sản công theo phương thức mua sắm tập trung (mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung)	Tài chính
79	Dữ liệu mua sắm tài sản công theo phương thức không tập trung	Tài chính
80	Dữ liệu tình hình xử lý tài sản công	Tài chính
81	CSDL Cơ sở lưu trú du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
82	CSDL Hiện vật (Hệ thống thông tin quản lý hiện vật)	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
83	CSDL Bảo tàng (Hệ thống thông tin quản lý bảo tàng)	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
84	CSDL Di tích trên địa bàn tỉnh (Hệ thống thông tin quản lý di tích)	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
85	CSDL Di sản văn hóa phi vật thể (hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể)	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
86	CSDL Sản xuất phim	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
87	CSDL Phát hành, phổ biến, lưu chiếu phim	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
88	CSDL Hoạt động triển lãm	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
89	CSDL Hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
90	CSDL Chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
91	CSDL Sản phẩm quảng cáo	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
92	CSDL Hoạt động nghệ thuật biểu diễn	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
93	CSDL Tư liệu về vùng đất, con người Sơn La	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
94	CSDL Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
95	Dữ liệu về Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
96	CSDL Thống kê về gia đình	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
97	CSDL Phòng chống bạo lực gia đình	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
98	CSDL Thành tích thi đấu thể thao	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
99	CSDL Hạ tầng cơ sở thể thao	Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
100	CSDL Đăng cai sự kiện thể thao	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
101	Dữ liệu cơ quan báo chí địa phương và trung ương cử Văn phòng đại diện và phóng viên thường trú trên địa bàn tỉnh	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
102	Dữ liệu danh sách các cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
103	Dữ liệu về bản DTTS và miền núi; bản đặc biệt khó khăn; xã Khu vực I, II, III	Dân tộc và Tôn giáo
104	Dữ liệu Tổ chức tôn giáo, xác định mức độ chia sẻ theo phân quyền	Dân tộc và Tôn giáo
105	Dữ liệu người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS	Dân tộc và Tôn giáo
106	Dự án đầu tư vào KCN	Ban Quản lý các KCN

5. Dữ liệu cập nhật Khi có thay đổi

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
1	Dữ liệu phiên họp UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
2	Dữ liệu văn bản phục vụ chỉ đạo, điều hành	Văn phòng UBND tỉnh
3	Công báo điện tử tỉnh Sơn La, Công báo xếp số có ký số điện tử	Văn phòng UBND tỉnh
4	Danh mục thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh
5	Dữ liệu cơ sở khám, chữa bệnh	Y tế
6	Dữ liệu người hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh	Y tế
7	Dữ liệu xếp cấp chuyên môn kỹ thuật của cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	Y tế
8	Dữ liệu Quản lý bệnh viện	Y tế
9	Dữ liệu Quản lý xét nghiệm	Y tế
10	Dữ liệu Quản lý hình ảnh	Y tế
11	Dữ liệu bệnh án điện tử	Y tế
12	CSDL về trẻ em	Y tế
13	CSDL về đối tượng bảo trợ xã hội	Y tế
14	Dữ liệu quản lý giám sát Bệnh truyền nhiễm	Y tế
15	Dữ liệu mềm tiêm chủng	Y tế
16	Dữ liệu quản lý HIV/AIDS	Y tế
17	Dữ liệu cơ sở kinh doanh Dược	Y tế
18	Dữ liệu người hành nghề Dược	Y tế

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
19	Dữ liệu về thông tin tuyến đường	Xây dựng
20	Dữ liệu thông tin đoạn tuyến	Xây dựng
21	Dữ liệu bến phà và phà	Xây dựng
22	Dữ liệu bến xe khách	Xây dựng
23	Dữ liệu trạm dừng nghỉ	Xây dựng
24	Dữ liệu cầu	Xây dựng
25	Dữ liệu kè, tường chắn	Xây dựng
26	Dữ liệu nút giao	Xây dựng
27	Dữ liệu nhà hạt quản lý đường bộ	Xây dựng
28	Dữ liệu về thông tin phương tiện	Xây dựng
29	Dữ liệu về đơn vị kinh doanh vận tải	Xây dựng
30	Dữ liệu về phù hiệu	Xây dựng
31	Dữ liệu quản lý vận tải qua biên giới	Xây dựng
32	Dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn	Xây dựng
33	Dữ liệu năng lực của cá nhân	Xây dựng
34	Dữ liệu về định mức xây dựng, chi phí xây dựng	Xây dựng
35	Dữ liệu về giá vật liệu	Xây dựng
36	Dữ liệu đơn giá nhân công	Xây dựng
37	Dữ liệu giá ca máy và thiết bị thi công	Xây dựng
38	Dữ liệu chỉ số giá xây dựng	Xây dựng
39	Dữ liệu về nhà máy nước công suất thiết kế hoặc cấp nước theo vùng phục vụ đạt từ 3.000 m ³ /ngày trở lên	Xây dựng
40	Dữ liệu về nhà máy xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế theo lưu vực thoát nước đạt từ 1.000 m ³ /ngày trở lên	Xây dựng
41	Dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Xây dựng
42	Dữ liệu về nguồn nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	Xây dựng
43	Cơ sở Dữ liệu báo cáo ngành khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ
44	Dữ liệu về chính sách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Khoa học và công nghệ
45	Dữ liệu thống kê số lượng người làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong ngành	Khoa học và công nghệ

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
	Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh (theo Thông tư số 45/2025/TT-BKHCN)	
46	Dữ liệu chi ngân sách cho KHCN, ĐMST và CDS	Khoa học và công nghệ
47	Dữ liệu nhiệm vụ khoa học công nghệ	Khoa học và công nghệ
48	Dữ liệu công bố khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ
49	Dữ liệu quyền sở hữu công nghiệp	Khoa học và công nghệ
50	Dữ liệu Sáng chế	Khoa học và công nghệ
51	Dữ liệu giải pháp hữu ích	Khoa học và công nghệ
52	Dữ liệu đối tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ
53	Dữ liệu thành viên tổ chức quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ	Khoa học và công nghệ
54	Dữ liệu Tổ chức Khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ
55	Dữ liệu doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ
56	Dữ liệu hệ thống đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La	Khoa học và công nghệ
57	Dữ liệu Trung tâm đổi mới sáng tạo và tổ chức trung gian hỗ trợ đổi mới sáng tạo	Khoa học và công nghệ
58	Dữ liệu kết quả hỗ trợ Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo	Khoa học và công nghệ
59	Dữ liệu dự án khởi nghiệp sáng tạo, mô hình đổi mới sáng tạo	Khoa học và công nghệ
60	Dữ liệu danh mục bộ chỉ số	Khoa học và công nghệ
61	Dữ liệu nhân lực Chuyển đổi số	Khoa học và công nghệ
62	Dữ liệu Tổ Công nghệ số cộng đồng	Khoa học và công nghệ
63	Dữ liệu tần số vô tuyến điện	Khoa học và công nghệ
64	Dữ liệu công bố hợp chuẩn	Khoa học và công nghệ
65	Dữ liệu công bố hợp quy	Khoa học và công nghệ
66	Dữ liệu Quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Khoa học và công nghệ
67	Dữ liệu các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định trên địa bàn tỉnh.	Khoa học và công nghệ
68	Dữ liệu kiểm định viên đo lường thuộc các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh.	Khoa học và công nghệ

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
69	Dữ liệu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Khoa học và công nghệ
70	Dữ liệu các cơ sở tiến hành công việc bức xạ	Khoa học và công nghệ
71	Dữ liệu nhân lực an toàn bức xạ	Khoa học và công nghệ
72	Cơ sở dữ liệu về kiểm tra nhà nước về kiểm tra an toàn bức xạ	Khoa học và công nghệ
73	Dữ liệu Thư điện tử công vụ	Khoa học và công nghệ
74	Dữ liệu bản ghi tên miền sonla.gov.vn	Khoa học và công nghệ
75	Dữ liệu mẫu thử nghiệm	Khoa học và công nghệ
76	Dữ liệu kiểm định phương tiện đo	Khoa học và công nghệ
77	Dữ liệu thửa đất	
78	Dữ liệu Tài sản gắn liền với đất	
79	Dữ liệu Chỉ giới quy hoạch	
80	Dữ liệu về điểm điều tra, lấy mẫu cấp tỉnh	
81	Dữ liệu khoanh đất điều tra cấp tỉnh	
82	Dữ liệu về đặc điểm thổ nhưỡng cấp tỉnh	
83	Dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng đất cấp tỉnh	
84	Dữ liệu kết quả đánh giá tiềm năng đất đai cấp tỉnh	
85	Dữ liệu về thoái hóa đất cấp tỉnh	
86	Dữ liệu quy hoạch sử dụng đất	
87	Dữ liệu kế hoạch sử dụng đất	
88	Dữ liệu không gian giá đất	
89	Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai cấp tỉnh	
90	Dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất	
91	Nông nghiệp và Môi trường	
92	Nông nghiệp và Môi trường	
93	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
94	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
95	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
96	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
97	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
98	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
99	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
100	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
101	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
102	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
103	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
104	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
105	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
106	Nông nghiệp và Môi trường	Nội vụ
107	Dữ liệu diễn biến công tác CCVC	Nội vụ
108	Dữ liệu thông tin khác của CCVC	Nội vụ
109	Dữ liệu về Đơn vị sử dụng ngân sách	Tài chính
110	Dữ liệu về Dự án đầu tư	Tài chính
111	Dữ liệu Đơn vị sử dụng ngân sách dùng cho nhiệm vụ quy hoạch	Tài chính
112	Dữ liệu thực hiện Kết luận kiểm toán	Tài chính
113	Dữ liệu thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư kinh doanh	Tài chính
114	Dữ liệu về Dự án đầu tư của Nhà đầu tư trong nước	Tài chính
115	Dữ liệu về Dự án đầu tư của Nhà đầu tư nước ngoài (FDI)	Tài chính
116	Dữ liệu về Dự án viện trợ nước ngoài (NGO)	Tài chính
117	Dữ liệu Báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành	Tài chính
118	Dữ liệu về Giải ngân vốn đầu tư công	Tài chính
119	Dữ liệu về Dự án đầu tư công	Tài chính
120	Dữ liệu về chỉ tiêu kinh tế	Tài chính
121	Dữ liệu về chỉ tiêu Văn hóa, xã hội	Tài chính
122	Dữ liệu chỉ tiêu về môi trường	Tài chính
123	Dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp	Tài chính
124	Dữ liệu về Liên hiệp HTX	Tài chính
125	Dữ liệu về HTX thành lập mới:	Tài chính
126	Dữ liệu thông tin doanh nghiệp:	Tài chính

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
127	Dữ liệu về đơn vị hành chính sự nghiệp	Tài chính
128	Dữ liệu về đơn vị sự nghiệp công lập	Tài chính
129	Dữ liệu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Tài chính
130	CSDL Khu du lịch, Điểm du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
131	CSDL du lịch cộng đồng	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
132	CSDL Cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
133	CSDL Doanh nghiệp lữ hành	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
134	CSDL Hướng dẫn viên du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
135	CSDL xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La	Tư pháp
136	Dữ liệu tổng dân số theo từng dân tộc	Dân tộc và Tôn giáo
137	Cụm công nghiệp	Công Thương
138	Doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Công Thương
139	Thương nhân bán lẻ thuốc lá	Công Thương
140	Chợ	Công Thương
141	Trung tâm thương mại	Công Thương
142	Cửa hàng tiện lợi	Công Thương
143	Cửa hàng xăng dầu	Công Thương
144	Hồ đập công trình thủy điện	Công Thương
145	Thương nhân bán lẻ rượu	Công Thương
146	Thương nhân sản xuất rượu công nghiệp	Công Thương
147	Thương nhân bán buôn rượu	Công Thương
148	Thương nhân bán buôn thuốc lá	Công Thương
149	Trạm nạp/ cấp LPG/LNG/CNG	Công Thương
150	Cửa hàng khí	Công Thương
151	Kho khí	Công Thương
152	Doanh nghiệp hoạt động điện lực dưới 3MW	Công Thương
153	Doanh nghiệp hoạt động điện lực phân phối	Công Thương
154	Doanh nghiệp kinh doanh khí	Công Thương
155	Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm	Công Thương

STT	Tên dữ liệu	Sở, cơ quan chủ trì
156	Doanh nghiệp bán hàng đa cấp	Công Thương
157	Dữ liệu về trường học	Giáo dục và Đào tạo
158	Dữ liệu lớp học	Giáo dục và Đào tạo
159	Dữ liệu về cơ sở vật chất	Giáo dục và Đào tạo
160	Dữ liệu về thiết bị	Giáo dục và Đào tạo
161	Dữ liệu về giáo viên	Giáo dục và Đào tạo
162	Dữ liệu về học sinh	Giáo dục và Đào tạo
163	Dữ liệu về trường và lớp học	Giáo dục và Đào tạo
164	Dữ liệu về đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên	Giáo dục và Đào tạo
165	Dữ liệu học sinh học trái tuyến	Giáo dục và Đào tạo
166	Thỏa thuận quốc tế	Ngoại vụ
167	Quản lý Giấy đăng ký của các tổ chức PCPNN	Ngoại vụ
168	Dữ liệu về khen thưởng đối với các tổ chức cá nhân người nước ngoài	Ngoại vụ
169	Danh mục tài liệu, ấn phẩm xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
170	Các chương trình quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
171	Các chính sách khuyến công	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
172	Kế hoạch triển khai các chương trình khuyến công hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
173	Các đề án khuyến công đã hoàn thành	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
174	Các đề án khuyến công đang triển khai	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
175	Dữ liệu DCCI Sơn La	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch
176	Dự án đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông
177	Dự án đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com